|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC****VIỆT NAM**Số: /2019/TT-NHNN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |

 **THÔNG TƯ**

**Quy định Chế độ quản lý và phương pháp hạch toán kế toán tài sản cố định, công cụ dụng cụ và vật liệu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 08/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ kế toán áp dụng đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kế toán;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định Chế độ quản lý và phương pháp hạch toán kế toán tài sản cố định, công cụ dụng cụ và vật liệu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định Chế độ quản lý và phương pháp hạch toán kế toán tài sản cố định (TSCĐ), công cụ dụng cụ và vật liệu tại các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là NHNN).

Việc hạch toán quá trình hình thành tài sản đối với công trình đầu tư xây dựng cơ bản và các dự án viện trợ không hoàn lại (trong quá trình thực hiện dự án) thuộc hệ thống NHNN không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng là Vụ Tài chính- Kế toán, Cục Quản trị, Sở Giao dịch, Cục Công nghệ thông tin, Cục Phát hành và Kho quỹ, Chi cục Quản trị, Chi cục Công nghệ thông tin, Chi cục Phát hành và Kho quỹ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ban quản lý các dự án tín dụng quốc tế, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các đơn vị thực hiện hạch toán trên hệ thống tài khoản kế toán NHNN (sau đây gọi chung là các đơn vị NHNN).

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Phần mềm ERP (Enterprise Resource Planning):Là hệ thống quản lý và hạch toán kế toán các nghiệp vụ kinh tế, tài chính của NHNN, bao gồm các phân hệ nghiệp vụ:

a) Phân hệ Quản lý Sổ cái (General Ledger), viết tắt là GL;

b) Phân hệ Quản lý Tài sản (Fixed Assets), viết tắt là FA;

c) Phân hệ Quản lý Phải thu, phải trả (Account Payable, Account Receivable), viết tắt là AP, AR;

d) Phân hệ Công cụ kế toán (Financial Accounting Hub), viết tắt là FAH;

đ) Phân hệ quản lý Ngân Sách (Budgeting), viết tắt là BG.

2. Đơn vị trang cấp TSCĐ là các đơn vị NHNN được giao nhiệm vụ thực hiện mua sắm và cấp bằng hiện vật TSCĐ đặc thù cho các đơn vị NHNN theo quy định của Thống đốc NHNN.

3. Đơn vị được trang cấp TSCĐ là các đơn vị NHNN thực hiện nhận TSCĐ từ đơn vị trang cấp TSCĐ.

 **Điều 3.** **Quy định về tiêu chuẩn TSCĐ**

 1. Tư liệu lao động là những tài sản hữu hình có kết cấu độc lập, hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định mà nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào thì cả hệ thống không thể hoạt động được, nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây thì được coi là tài sản cố định:

 a) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;

 b) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;

 c) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) trở lên.

 Trường hợp một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau, trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và nếu thiếu một bộ phận nào đó mà cả hệ thống vẫn thực hiện được chức năng hoạt động chính của nó nhưng do yêu cầu quản lý, sử dụng TSCĐ đòi hỏi phải quản lý riêng từng bộ phận tài sản thì mỗi bộ phận tài sản đó nếu cùng thỏa mãn đồng thời ba tiêu chuẩn của tài sản cố định được coi là một tài sản cố định hữu hình độc lập.

 2. Tiêu chuẩn và nhận biết tài sản cố định vô hình:

 Mọi khoản chi phí thực tế mà NHNN đã chi ra thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này, mà không hình thành TSCĐ hữu hình được coi là TSCĐ vô hình.

 Những khoản chi phí không đồng thời thỏa mãn cả ba tiêu chuẩn nêu tại khoản 1 Điều này thì được hạch toán trực tiếp hoặc được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh của NHNN.

 **Điều 4. Nguyên tắc thực hiện** **quản lý và** **hạch toán kế toán**

1. Nguyên tắc quản lý

a) Đơn vị NHNN phải xác định và theo dõi TSCĐ là tài sản hữu hình có kết cấu độc lập, hoặc là một hệ thống ngay khi nhập TSCĐ.

b) Mọi TSCĐ phải có bộ hồ sơ riêng (gồm biên bản giao nhận TSCĐ, hợp đồng, hóa đơn mua TSCĐ và các chứng từ, giấy tờ khác có liên quan). Mỗi TSCĐ phải được phân loại, đánh số và có thẻ riêng, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng ghi TSCĐ và được phản ánh trong sổ theo dõi TSCĐ trên phân hệ FA.

c) Mỗi TSCĐ phải được quản lý theo nguyên giá, số hao mòn lũy kế và giá trị còn lại trên sổ sách kế toán:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Giá trị còn lại trên sổ kế toán của TSCĐ | = | Nguyên giá của tài sản cố định | - | Số hao mòn lũy kế của TSCĐ |

 d) Đối với những TSCĐ không cần dùng, chờ thanh lý nhưng chưa hết khấu hao, đơn vị NHNN phải thực hiện quản lý, theo dõi, bảo quản theo quy định hiện hành và trích khấu hao theo quy định tại Thông tư này.

2. Nguyên tắc thực hiện hạch toán kế toán

a) Việc quản lý và hạch toán kế toán TSCĐ, công cụ dụng cụ và vật liệu tại các đơn vị NHNN được thực hiện trên phần mềm ERP thuộc hệ thống “Ngân hàng lõi, kế toán, lập ngân sách và tích hợp hệ thống” (sau đây gọi tắt là hệ thống phần mềm kế toán).

b) Các đơn vị NHNN thực hiện hạch toán kế toán theo Sổ tay hướng dẫn vận hành của hệ thống phần mềm kế toán.

c) Các đơn vị NHNN lựa chọn phân hệ thực hiện, mã liên chi nhánh đảm bảo nguyên tắc phù hợp, đúng đối tượng.

d) Các thành viên tham gia quy trình tại các đơn vị NHNN tuân thủ quy định về luân chuyển, kiểm soát, đối chiếu và tập hợp chứng từ kế toán trên hệ thống phần mềm kế toán.

 **Điều 5.** **Quy định về trích khấu hao TSCĐ**

1. Nguyên tắc trích khấu hao TSCĐ

a) TSCĐ của NHNN được trích khấu hao theo quy định của Bộ Tài chính đối với các doanh nghiệp.

b) Tất cả TSCĐ hiện có đều phải trích khấu hao, trừ những TSCĐ sau đây:

- TSCĐ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

- TSCĐ khấu hao chưa hết bị mất.

- TSCĐ khác do đơn vị quản lý mà không thuộc quyền sở hữu của đơn vị (trừ TSCĐ thuê tài chính).

- TSCĐ không được quản lý, theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của đơn vị.

- TSCĐ sử dụng trong các hoạt động phúc lợi phục vụ người lao động (trừ các TSCĐ phục vụ cho người lao động làm việc như: nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn giữa ca, nhà thay quần áo, nhà vệ sinh, bể chứa nước sạch, nhà để xe, phòng hoặc trạm y tế để khám chữa bệnh, xe đưa đón người lao động, cơ sở đào tạo, dạy nghề, nhà ở cho người lao động do NHNN đầu tư xây dựng).

- TSCĐ từ nguồn viện trợ không hoàn lại sau khi được cơ quan có thẩm quyền bàn giao cho đơn vị để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học.

- TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất lâu dài hợp pháp.

- Các tài sản cố định là kết cấu hạ tầng, có giá trị lớn do Nhà nước đầu tư xây dựng từ nguồn ngân sách nhà nước giao cho các tổ chức kinh tế quản lý, khai thác, sử dụng không phải trích khấu hao, chỉ mở sổ chi tiết theo dõi giá trị hao mòn hàng năm của từng tài sản và không được ghi giảm nguồn vốn hình thành tài sản.

2. Phương pháp trích khấu hao TSCĐ

TSCĐ của NHNN được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng như sau:

- Xác định mức trích khấu hao trung bình hàng năm của TSCĐ bằng cách lấy nguyên giá TSCĐ chia cho thời gian sử dụng tính theo năm của TSCĐ.

- Mức trích khấu hao TSCĐ hàng tháng được tính là mức trích khấu hao trung bình hàng năm chia cho 12 tháng.

- Trường hợp thời gian sử dụng hay nguyên giá của TSCĐ thay đổi, các đơn vị NHNN phải xác định lại mức trích khấu hao trung bình của TSCĐ bằng cách lấy giá trị còn lại trên sổ kế toán chia (:) cho thời gian sử dụng xác định lại hoặc thời gian sử dụng còn lại (được xác định là chênh lệch giữa thời gian sử dụng theo quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này trừ (-) thời gian đã sử dụng) của TSCĐ.

- Mức trích khấu hao cho năm cuối cùng của thời gian sử dụng TSCĐ được xác định là hiệu số giữa nguyên giá của TSCĐ và số khấu hao lũy kế đã thực hiện đến năm trước năm cuối cùng của TSCĐ đó.

3. Xác định thời gian trích khấu hao của TSCĐ

- Đối với TSCĐ còn mới (chưa qua sử dụng), đơn vị NHNN cần căn cứ vào khung thời gian trích khấu hao TSCĐ quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này để xác định thời gian trích khấu hao của TSCĐ.

- Đối với TSCĐ đã qua sử dụng, thời gian sử dụng của TSCĐ được xác định như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thời gian sử dụng của TSCĐ |  | Giá trị hợp lý của TSCĐ |  | Thời gian trích khấu hao của TSCĐ mới cùng loại xác định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này |
|  = | Giá bán của TSCĐ mới cùng loại hoặc của TSCĐ tương đương trên thị trường |  x |
|  |  |

Trong đó: Giá trị hợp lý của TSCĐ là giá mua hoặc trao đổi thực tế (trong trường hợp mua bán, trao đổi), giá trị còn lại của TSCĐ (trong trường hợp được cấp, được điều chuyển) hoặc giá trị theo đánh giá của Hội đồng định giá (trong trường hợp được cho, được biếu, được tặng) và các trường hợp khác.

- Đối với TSCĐ vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất thuê, thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của đơn vị NHNN.

- Đối với TSCĐ vô hình là quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ, quyền đối với giống cây trồng, thì thời gian trích khấu hao là thời hạn bảo hộ được ghi trên văn bằng bảo hộ theo quy định (không được tính thời hạn bảo hộ được gia hạn thêm).

4. Thay đổi thời gian trích khấu hao tài sản cố định:

a) Trường muốn xác định thời gian trích khấu hao của tài sản cố định mới và đã qua sử dụng khác so với khung thời gian trích khấu hao quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này, đơn vị NHNN phải lập phương án thay đổi thời gian trích khấu hao tài sản cố định trên cơ sở giải trình rõ các nội dung sau gửi NHNN (Vụ Tài chính- Kế toán):

- Tuổi thọ kỹ thuật của TSCĐ theo thiết kế;

- Hiện trạng TSCĐ (thời gian TSCĐ đã qua sử dụng, thế hệ tài sản, tình trạng thực tế của tài sản);

- Ảnh hưởng của việc tăng, giảm khấu hao TSCĐ.

b) Thẩm quyền phê duyệt Phương án thay đổi thời gian trích khấu hao của TSCĐ:

Vụ Tài chính- Kế toán tổng hợp, trình Thống đốc NHNN xem xét, phê duyệt phương án thay đổi thời gian trích khấu hao TSCĐ.

c) Đơn vị NHNN chỉ được thay đổi thời gian trích khấu hao TSCĐ một lần đối với một tài sản. Việc kéo dài thời gian trích khấu hao của TSCĐ bảo đảm không vượt quá tuổi thọ kỹ thuật của TSCĐ và không làm thay đổi trọng yếu đến Báo cáo thu nhập, chi phí của đơn vị NHNN.

5. Trường hợp có các yếu tố tác động (như việc nâng cấp hay tháo dỡ một hay một số bộ phận của TSCĐ) nhằm kéo dài hoặc rút ngắn thời gian sử dụng đã xác định trước đó của TSCĐ, đơn vị NHNN tiến hành xác định lại thời gian trích khấu hao của TSCĐ theo ba tiêu chuẩn nêu trên tại thời điểm hoàn thành nghiệp vụ phát sinh, đồng thời phải lập biên bản nêu rõ các căn cứ làm thay đổi thời gian trích khấu hao, gửi Vụ Tài chính- Kế toán tổng hợp, trình Thông đốc quyết định theo quy định tại tiết b khoản 4 Điều này.

**Điều 6. Báo cáo kế toán**

1.Nguyên tắc lập và gửi các báo cáo kế toán về TSCĐ, công cụ dụng cụ và vật liệu

 Các đơn vị NHNN lập và gửi các báo cáo kế toán đảm bảo đầy đủ, kịp thời và chính xác. Các đơn vị NHNNchịu trách nhiệm về số liệu báo cáo

2. Các báo cáo kế toán về TSCĐ, công cụ dụng cụ và vật liệu gồm:

- Báo cáo kiểm kê TSCĐ (mẫu FA0204)

- Báo cáo kiểm kê công cụ dụng cụ (mẫu FA0309)

- Báo cáo kiểm kê vật liệu (mẫu FA0411)

- Báo cáo các loại tài sản khác đơn vị đang quản lý và giữ hộ (mẫu BC0205)

- Báo cáo trích khấu hao cơ bản TSCĐ (mẫu FA0206)

- Báo cáo tình hình tăng, giảm TSCĐ (mẫu FA0204)

3. Mẫu biểu, hình thức, thời gian và kỳ gửi báo cáo được thực hiện theo Chế độ báo cáo nghiệp vụ hiện hành của NHNN.

**Điều 7. Tài khoản và chứng từ, sổ kế toán hạch toán TSCĐ**

1. Tài khoản kế toán

Kế toán TSCĐ sử dụng các tài khoản chủ yếu sau:

- TK 304001- TSCĐ hữu hình

- TK 304002- TSCĐ vô hình

- TK 30400501- Hao mòn TSCĐ hữu hình

- TK 30400502- Hao mòn TSCĐ vô hình

- TK 313001- Mua sắm TSCĐ

- TK 501002- Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm TSCĐ

- TK 602001- Nguồn hình thành TSCĐ

- TK 602003001- Tạm ứng, nhận tạm ứng cho mua sắm TSCĐ

- TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

- TK 602999- Thanh toán khác giữa các đơn vị NHNN

- TK 811001- Khấu hao cơ bản TSCĐ

Nội dung, tính chất và kết cấu của các tài khoản này thực hiện theo quy định cụ thể trong Hệ thống tài khoản kế toán NHNN.

2. Chứng từ, sổ kế toán

Kế toán TSCĐ sử dụng các chứng từ, sổ kế toán chủ yếu sau:

- Biên bản nghiệm thu và giao nhận TSCĐ (Phụ lục 02)

- Biên bản thanh lý TSCĐ (Phụ lục 03)

- Biên bản nghiệm thu và giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành (Phụ lục 04)

- Biên bản đánh giá lại TSCĐ (Phụ lục 05)

- Biên bản kiểm kê TSCĐ (Phụ lục 06)

- Thẻ TSCĐ (Phụ lục 07)

- Sổ TSCĐ (Phụ lục 08)

- Bảng kê trích khấu hao TSCĐ (Phụ lục 09)

- Sổ theo dõi TSCĐ và công cụ dụng cụ tại nơi sử dụng (Phụ lục 10)

- Phiếu hạch toán Nợ tài khoản ngoại bảng (Phụ lục 11)

- Phiếu hạch toán Có tài khoản ngoại bảng (Phụ lục 12)

 - Bộ hóa đơn, chứng từ TSCĐ của nhà cung cấp

 **Điều 7. Hạch toán TSCĐ do đơn vị sử dụng thực hiện mua sắm**

1. Hạch toán mua sắm TSCĐ tại NHNN Chi nhánh các tỉnh, thành phố, Sở Giao dịch, Cục Quản trị, Chi cục Quản trị, Ban Quản lý các dự án tín dụng quốc tế, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Cục Phát hành và Kho quỹ (sau đây gọi tắt là đơn vị không theo dõi nguồn hình thành tài sản)

- Trong phạm vi dự toán được duyệt, đơn vị NHNN tiến hành mua TSCĐ. Căn cứ vào chứng từ mua sắm TSCĐ hợp pháp, hợp lệ, Kế toán hạch toán:

Nợ TK 313001- Mua sắm TSCĐ

Có TK thích hợp

- Căn cứ hồ sơ quyết toán mua sắm TSCĐ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hạch toán nhập TSCĐ theo đúng giá trị quyết toán được duyệt:

Nợ TK 304001- TSCĐ hữu hình

Và/hoặc Nợ TK 304002- TSCĐ vô hình

Có TK 313001- Mua sắm TSCĐ

2. Hạch toán mua sắm TSCĐ tại Cục Công nghệ thông tin, Chi cục Phát hành và Kho quỹ, Chi cục Công nghệ thông tin (sau đây gọi tắt là đơn vị theo dõi nguồn hình thành tài sản)

2.1. Trường hợp Vụ Tài chính- Kế toán chuyển vốn tạm ứng theo dự toán được phê duyệt cho đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ

a) Kế toán tại Vụ Tài chính- Kế toán

- Tạm ứng vốn mua sắm TSCĐ:

Căn cứ điều khoản thanh toán trên Hợp đồng, các tài liệu do đơn vị mua sắm TSCĐ và dự toán được phê duyệt theo Hợp đồng mua sắm TSCĐ, cán bộ nghiệp vụ lập chứng từ chuyển tiền tạm ứng cho đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ chuyển cho bộ phận kế toán hạch toán trên phân hệ GL:

Nợ TK 60200301- Tạm ứng, nhận tạm ứng cho mua sắm TSCĐ

(mã đơn vị là Vụ Tài chính- Kế toán, mã liên chi nhánh là đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ/ Tạm ứng vốn mua sắm TSCĐ)

Có TK 60200301- Tạm ứng, nhận tạm ứng cho mua sắm TSCĐ

(mã đơn vị là đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ, mã liên chi nhánh là Vụ Tài chính- Kế toán/ Nhận tạm ứng vốn mua sắm TSCĐ)

- Quyết toán vốn mua sắm TSCĐ:

Căn cứ vào hồ sơ quyết toán, số tiền đã tạm ứng, Kế toán lập chứng từ chuyển tiếp số tiền chênh lệch giữa số được duyệt quyết toán với số đã tạm ứng cho đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ, hạch toán:

Nợ TK 602001- Nguồn hình thành tài sản cố định

(mã liên chi nhánh của đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ)

Có TK 60200301- Tạm ứng, nhận tạm ứng cho mua sắm TSCĐ

(mã đơn vị là Vụ Tài chính- Kế toán, mã liên chi nhánh là đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ)

Số đã tạm ứng vốn mua sắm TSCĐ

Có TK 60200301- Tạm ứng, nhận tạm ứng cho mua sám TSCĐ

(mã đơn vị là đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ, mã liên chi nhánh là Vụ Tài chính- Kế toán)

 Phần chênh lệch giữa số được duyệt quyết toán với số đã tạm ứng

b) Kế toán tại đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ

- Căn cứ nhu cầu mua sắm TSCĐ, Kế toán vào phân hệ GL nhận bút toán liên chi nhánh đến do Vụ Tài chính- Kế toán chuyển, kiểm tra khớp đúng giữa diễn giải, số tiền tạm ứng trên bút toán liên chi nhánh đến với số tiền trên văn bản đề nghị tạm ứng theo từng lần thanh toán của Hợp đồng mua sắm tài sản.

- Khi tiến hành mua sắm TSCĐ: Trong phạm vi dự toán được duyệt, đơn vị NHNN thực hiện mua sắm TSCĐ, hạch toán:

 Nợ TK 313001- Mua sắm TSCĐ

 Có TK thích hợp

- Quyết toán vốn mua sắm TSCĐ:

 Căn cứ hồ sơ quyết toán được duyệt, Kế toán ghi nhập tài sản:

Nợ TK 304001- TSCĐ hữu hình

Và/hoặc Nợ TK 304002- TSCĐ vô hình

 Có TK 313001- Mua sắm TSCĐ

 Đồng thời, căn cứ liên chi nhánh về số tiền chênh lệch giữa số được duyệt quyết toán với số đã tạm ứng, hạch toán tất toán vốn tạm ứng, kết chuyển nguồn hình thành TSCĐ nhận từ Vụ Tài chính- Kế toán:

Nợ TK 60200301- Tạm ứng, nhận tạm ứng cho mua sám TSCĐ

(mã đơn vị là đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ, mã liên chi nhánh là Vụ Tài chính- Kế toán)

Số tiền đã tạm ứng

Có TK 602001- Nguồn hình thành TSCĐ

(mã liên chi nhánh là Vụ Tài chính- Kế toán)

2.2. Trường hợp đơn vị NHNN tạm ứng vốn theo dự toán được phê duyệt tại Sở Giao dịch hoặc NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi đơn vị mở tài khoản thanh toán

 a) Kế toán tại Vụ Tài chính- Kế toán

Căn cứ phê duyệt quyết toán, chứng từ báo Nợ số tiền đã tạm ứng cho đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ do Sở Giao dịch hoặc NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ mở tài khoản thanh toán chuyển về khớp đúng với số tiền đã được phê duyệt quyết toán, Kế toán hạch toán:

Nợ TK 602001- Nguồn hình thành TSCĐ

(tài khoản chi tiết của đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ)

 Có TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

b) Kế toán tại Sở Giao dịch hoặc NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi đơn vị mua sắm TSCĐ mở tài khoản thanh toán

- Căn cứ vào chứng từ chuyển Nợ do đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ lập theo đúng giá trị phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền, Kế toán thực hiện lập lệnh chuyển Nợ về Vụ Tài chính- Kế toán, hạch toán:

 Nợ TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

(chi tiết Vụ Tài chính- Kế toán)

Có TK 602999- Thanh toán khác giữa các đơn vị NHNN

(tài khoản chi tiết của đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ)

 - Căn cứ vào chứng từ thanh toán theo yêu cầu của đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ, trong phạm vi thông báo tạm ứng của Vụ Tài chính- Kế toán hoặc khi nhận được phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền (tạm ứng phần chênh lệch giữa số được duyệt quyết toán với số đã tạm ứng), hạch toán:

Nợ TK 602999- Thanh toán khác giữa các đơn vị NHNN

(tài khoản chi tiết của đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ)

Có TK thích hợp

c) Kế toán tại đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ

Đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ thực hiện tạm ứng tại Sở Giao dịch hoặc NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi đơn vị mở tài khoản thanh toán theo tiến độ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Kế toán phải mở sổ chi tiết theo dõi vốn mua sắm TSCĐ tạm ứng tại Sở Giao dịch hoặc NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi đơn vị mở tài khoản thanh toán.

- Khi tiến hành mua sắm TSCĐ: Trong phạm vi dự toán được duyệt, đơn vị NHNN thực hiện mua sắm TSCĐ, hạch toán:

 Nợ TK 313001- Mua sắm TSCĐ

 Có TK thích hợp

- Quyết toán vốn mua sắm TSCĐ:

Căn cứ hồ sơ quyết toán được duyệt, Kế toán ghi nhập tài sản:

Nợ TK 304001- TSCĐ hữu hình

Và/hoặc Nợ TK 304002- TSCĐ vô hình

 Có TK 313001- Mua sắm TSCĐ

Đồng thời lập chứng từ báo Nợ số tiền đã tạm ứng tại Sở Giao dịch hoặc NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi đơn vị mở tài khoản thanh toán, kết chuyển nguồn hình thành TSCĐ nhận từ Vụ Tài chính- Kế toán, hạch toán:

Nợ 60200301- Tạm ứng, nhận tạm ứng cho mua sám TSCĐ

(mã đơn vị là đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ, mã liên chi nhánh là Vụ Tài chính- Kế toán): Số tiền đã tạm ứng

Có TK 602001- Nguồn vốn đã hình thành TSCĐ

3. Đối với TSCĐ mua sắm đã đưa vào sử dụng nhưng chưa được quyết toán ngay

a) Hạch toán tạm nhập TSCĐ

Căn cứ Biên bản nghiệm thu và giao nhận TSCĐ cùng chứng từ có liên quan, Kế toán hạch toán tạm nhập TSCĐ:

Nợ TK 304001- TSCĐ hữu hình

Và/hoặc Nợ TK 304002- TSCĐ vô hình

 Có TK 313001- Mua sắm TSCĐ

b) Xử lý sau khi tạm nhập TSCĐ

 **-** Sau khi tạm nhập TSCĐ, đơn vị NHNN hạch toán trích khấu hao TSCĐ theo quy định tại Điều 16 Thông tư này.

- Trường hợp giá trị duyệt quyết toán có sự chênh lệch với giá tạm nhập, Kế toán phải thực hiện điều chỉnh giá tạm nhập và mức trích khấu hao đã tính trước đây cho đúng với giá trị duyệt quyết toán.

 - Trường hợp khi phê duyệt quyết toán có một phần giá trị tài sản không được ghi nhận là TSCĐ, đơn vị NHNN ghi nhận giá trị không hình thành TSCĐ vào chi phí phù hợp tại đơn vị và quản lý theo dõi theo quy định hiện hành.

**Điều 8. Hạch toán mua sắm tập trung TSCĐ cho các đơn vị NHNN**

1. Kế toán tại Vụ Tài chính- Kế toán

1.1. Hạch toán vốn tạm ứng mua sắm TSCĐ cho đơn vị trang cấp TSCĐ

Căn cứ điều khoản thanh toán trên Hợp đồng, các tài liệu do đơn vị mua sắm TSCĐ và dự toán được phê duyệt theo Hợp đồng mua sắm TSCĐ, cán bộ nghiệp vụ lập chứng từ chuyển tiền tạm ứng cho đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ chuyển cho bộ phận kế toán hạch toán trên phân hệ GL:

Nợ TK 60200301- Tạm ứng, nhận tạm ứng cho mua sắm TSCĐ

(mã đơn vị là Vụ Tài chính- Kế toán, mã liên chi nhánh là đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ/ Tạm ứng vốn mua sắm TSCĐ)

Có TK 60200301- Tạm ứng, nhận tạm ứng cho mua sắm TSCĐ

(mã đơn vị là đơn vị NHNN được giao mua sắm tập trung TSCĐ, mã liên chi nhánh là Vụ Tài chính- Kế toán/ Nhận tạm ứng vốn mua sắm TSCĐ)

 1.2. Quyết toán vốn mua sắm TSCĐ sau khi hồ sơ quyết toán mua sắm TSCĐ được cấp có thẩm quyền phê duyệt

 a) Trường hợp đơn vị được trang cấp TSCĐ là Cục Công nghệ thông tin, Chi cục Phát hành và Kho quỹ, Chi cục Công nghệ thông tin

Căn cứ vào hồ sơ quyết toán và Biên bản nghiệm thu và giao nhận TSCĐ, số tiền chênh lệch giữa số được duyệt quyết toán với số đã tạm ứng hạch toán:

 Nợ TK 602001- Nguồn hình thành TSCĐ

(tài khoản chi tiết của đơn vị được trang cấp TSCĐ)

Có TK 60200301- Tạm ứng, nhận tạm ứng cho mua sắm TSCĐ

(tài khoản chi tiết của đơn vị trang cấp TSCĐ)

Đồng thời gửi chứng từ cho đơn vị được trang cấp TSCĐ làm căn cứ hạch toán.

b) Trường hợp đơn vị được trang cấp TSCĐ là NHNN chi nhánh các tỉnh, thành phố, Sở Giao dịch, Cục Quản trị, Chi cục Quản trị, Ban Quản lý các dự án tín dụng quốc tế, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Cục Phát hành và Kho quỹ

- Căn cứ vào hồ sơ quyết toán và Biên bản nghiệm thu và giao nhận TSCĐ, Kế toán thực hiện lập Lệnh chuyển Nợ gửi đơn vị được trang cấp TSCĐ, hạch toán:

Nợ TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

(tài khoản chi tiết Vụ Tài chính- Kế toán)

Có TK 60200301- Tạm ứng, nhận tạm ứng cho mua sắm TSCĐ

(tài khoản chi tiết của đơn vị trang cấp TSCĐ)

 2. Kế toán tại Sở Giao dịch hoặc NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi đơn vị trang cấp TSCĐ mở tài khoản thanh toán

 Việc hạch toán được thực hiện theo quy định tại tiết b, điểm 2.2, khoản 2, Điều 7 Thông tư này.

3. Kế toán tại đơn vị được giao mua sắm tập trung TSCĐ

3.1. Khi mua sắm TSCĐ

- Đơn vị trang cấp TSCĐ thực hiện tạm ứng tại Sở Giao dịch hoặc NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi đơn vị mở tài khoản thanh toán theo tiến độ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Kế toán phải mở sổ chi tiết theo dõi vốn mua sắm TSCĐ tạm ứng tại Sở Giao dịch hoặc NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi đơn vị mở tài khoản thanh toán.

 - Trong phạm vi dự toán được duyệt, đơn vị trang cấp TSCĐ thực hiện mua sắm TSCĐ, hạch toán:

 Nợ TK 313001- Mua sắm TSCĐ

Có TK thích hợp

 3.2. Khi thực hiện trang cấp TSCĐ cho đơn vị được trang cấp TSCĐ

a) Trường hợp đơn vị trang cấp TSCĐ giao TSCĐ cho cán bộ của đơn vị mình vận chuyển và thực hiện lắp đặt tại đơn vị được trang cấp TSCĐ:

- Căn cứ Biên bản nghiệm thu và giao nhận TSCĐ giữa đơn vị trang cấp TSCĐ với cán bộ chịu trách nhiệm vận chuyển, lắp đặt TSCĐ, hạch toán:

 Nợ TK 315999- Các khoản phải thu nội bộ khác

 (tài khoản chi tiết: TSCĐ đang vận chuyển/Cán bộ vận

 chuyển, lắp đặt)

Có TK 313001- Mua sắm TSCĐ

 - Sau khi lập Biên Bản nghiệm thu và giao nhận TSCĐ giữa đơn vị trang cấp TSCĐ với đơn vị được trang cấp TSCĐ, cán bộ của đơn vị trang cấp TSCĐ có trách nhiệm gửi Biên Bản nghiệm thu và giao nhận TSCĐ về đơn vị mình ngay sau khi Biên bản được lập.

 - Khi nhận được Biên bản nghiệm thu và giao nhận TSCĐ, hạch toán:

Nợ TK 315999- Các khoản phải thu nội bộ khác

(tài khoản chi tiết: Đơn được trang vị cấp TSCĐ)

 Có TK 315999- Các khoản phải thu nội bộ khác

 (tài khoản chi tiết: TSCĐ đang vận chuyển/Cán bộ vận

 chuyển, lắp đặt)

b) Trường hợp giao trực tiếp TSCĐ cho đơn vị được trang cấp TSCĐ

 Căn cứ Biên bản nghiệm thu và giao nhận TSCĐ, hạch toán:

 Nợ TK 315999- Các khoản phải thu nội bộ khác

 (tài khoản chi tiết: Đơn vị được trang cấp TSCĐ)

Có TK 313001- Mua sắm TSCĐ

c) Trường hợp trang cấp TSCĐ cho chính đơn vị trang cấp TSCĐ, hạch toán tạm nhập TSCĐ:

Nợ TK 304001- TSCĐ hữu hình

Và/hoặc Nợ TK 304002- TSCĐ vô hình

 Có TK 313001- Mua sắm TSCĐ

3.3. Quyết toán vốn mua sắm TSCĐ

Việc quyết toán vốn mua sắm TSCĐ phải trên cơ sở hồ sơ quyết toán được duyệt.

a) Tạm ứng tiếp số tiền chênh lệch giữa số được phê duyệt quyết toán với số đã tạm ứng tại Sở Giao dịch hoặc NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi đơn vị mở tài khoản thanh toán, hạch toán:

Nợ TK thích hợp

Có TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

Hoặc Có TK 602999 - Thanh toán khác giữa các đơn vị NHNN

(Sở Giao dịch, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố mở tài khoản)

b) Hạch toán tất toán vốn mua sắm đã tạm ứng

- Kế toán thực hiện lập chứng từ báo Nợ gửi về Vụ Tài chính- Kế toán số tiền đã mua sắm TSCĐ cho Cục Công nghệ tin học, Chi cục Công nghệ tin học, Chi cục Phát hành và Kho quỹ, hạch toán:

 Nợ TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

(Vụ Tài chính- Kế toán)

Có TK 60200301- Tạm ứng tạm ứng, nhận tạm ứng vốn mua sắm TSCĐ

(tài khoản chi tiết của Vụ Tài chính- Kế toán)

- Kế toán thực hiện lập chứng từ báo Nợ số tiền đã mua sắm TSCĐ gửi về Sở giao dịch, NHNN chi nhánh tỉnh thành phố, Cục Quản trị, Chi cục Quản trị, Cục Phát hành và Kho quỹ, Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng, Ban Quản lý các dự án tín dụng quốc tế hạch toán:

 Nợ TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

(các đơn vị được trang cấp)

Có TK 60200301- Tạm ứng tạm ứng, nhận tạm ứng vốn mua sắm TSCĐ

(tài khoản chi tiết của Vụ Tài chính- Kế toán)

4. Kế toán tại đơn vị được trang cấp TSCĐ

a) Trường hợp đơn vị được trang cấp TSCĐ là Cục Công nghệ thông tin, Chi cục Phát hành và Kho quỹ, Chi cục Công nghệ thông tin

- Căn cứ Biên bản nghiệm thu và giao nhận TSCĐ giữa đơn vị trang cấp TSCĐ với đơn vị được trang cấp TSCĐ, Kế toán hạch toán tạm nhập TSCĐ:

Nợ TK 304001- TSCĐ hữu hình

Và/hoặc Nợ TK 304002- TSCĐ vô hình

 Có TK 415999- Các khoản phải trả nội bộ khác

 (tài khoản chi tiết: Đơn vị trang cấp TSCĐ)

 - Khi nhận được chứng từ của Vụ Tài chính- Kế toán chuyển đến, đối chiếu khớp đúng với phê duyệt trang cấp và Biên bản nghiệm thu và giao nhận TSCĐ, hạch toán:

Nợ TK 415999- Các khoản phải trả nội bộ khác

 (tài khoản chi tiết: Đơn vị trang cấp TSCĐ)

Có TK 602001- Nguồn hình thành TSCĐ

(tài khoản chi tiết của Vụ Tài chính- Kế toán)

b) Trường hợp đơn vị được trang cấp TSCĐ là NHNN chi nhánh các tỉnh, thành phố, Sở Giao dịch, Cục Quản trị, Chi cục Quản trị, Ban Quản lý các dự án tín dụng quốc tế, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Cục Phát hành và Kho quỹ

- Căn cứ Biên bản nghiệm thu và giao nhận TSCĐ giữa đơn vị trang cấp TSCĐ và đơn vị được trang cấp TSCĐ, hạch toán tạm nhập TSCĐ:

Nợ TK 304001- TSCĐ hữu hình

Và/hoặc Nợ TK 304002- TSCĐ vô hình

 Có TK 415999- Các khoản phải trả nội bộ khác

 (tài khoản chi tiết: Đơn vị trang cấp TSCĐ)

 - Khi nhận được Lệnh chuyển Nợ của Vụ Tài chính- Kế toán, đối chiếu khớp đúng với phê duyệt trang cấp và Biên bản nghiệm thu và giao nhận TSCĐ, hạch toán:

 Nợ TK 415999- Các khoản phải trả nội bộ khác

 (tài khoản chi tiết: Đơn vị trang cấp TSCĐ)

Có TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

 5. Đối với TSCĐ tạm nhập

Việc xử lý hạch toán trong trường hợp này được thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 7 Thông tư này.

**Điều 9. Hạch toán TSCĐ được cấp, biếu, tặng**

1. Kế toán tại đơn vị NHNN

Căn cứ vào hồ sơ TSCĐ, Biên bản nghiệm thu và giao nhận TSCĐ, Biên bản đánh giá lại TSCĐ (trong trường hợp TSCĐ đã qua sử dụng) được cấp, biếu, tặng và Quyết định điều chuyển TSCĐ của Thống đốc NHNN, đơn vị NHNN ghi nhập TSCĐ và chuyển vốn về Vụ Tài chính- Kế toán:

Nợ TK 304001- TSCĐ hữu hình

Và/hoặc Nợ TK 304002- TSCĐ vô hình

Có TK 602004- Thanh toán liên ngân hàng

Đối với đơn vị không theo dõi nguồn hình thành tài sản

Hoặc Có TK 602001- Nguồn hình thành TSCĐ

(tài khoản chi tiết của Vụ Tài chính- Kế toán):

Đối với đơn vị theo dõi nguồn hình thành tài sản

Và gửi 01 bộ chứng từ về Vụ Tài chính- Kế toán làm căn cứ hạch toán.

2. Kế toán tại Vụ Tài chính- Kế toán

Căn cứ vào chứng từ của đơn vị NHNN chuyển đến đối chiếu khớp đúng với Quyết định điều chuyển TSCĐ của Thống đốc NHNN, hạch toán:

Nợ TK 602004- Thanh toán liên ngân hàng

Hoặc Nợ TK 602001- Nguồn hình thành TSCĐ

(tài khoản chi tiết của đơn vị nhận TSCĐ)

Có TK 501002- Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm TSCĐ

3. Trường hợp NHNN trực tiếp nhận TSCĐ từ tổ chức cấp, biếu, tặng, sau đó điều chuyển cho đơn vị NHNN sử dụng: Cục Quản trị thực hiện nhận TSCĐ (hạch toán theo quy định tại khoản 1 Điều này) và điều chuyển TSCĐ cho đơn vị NHNN sử dụng (hạch toán theo quy định tại khoản 1, Điều 12 Thông tư này).

**Điều 10. Hạch toán phát hiện thừa, thiếu TSCĐ trong kiểm kê**

1. Trường hợp phát hiện thừa TSCĐ

Mọi trường hợp phát hiện thừa TSCĐ đều phải truy tìm nguyên nhân. Căn cứ Biên bản kiểm kê TSCĐ và kết luận của Hội đồng kiểm kê để hạch toán kịp thời, chính xác theo từng nguyên nhân cụ thể.

a) Kế toán tại đơn vị NHNN

- Nếu TSCĐ phát hiện thừa do trước đây đơn vị NHNN chưa hạch toán nhập TSCĐ, Kế toán phải căn cứ vào hồ sơ TSCĐ để hạch toán theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Thông tư này. Đồng thời, căn cứ vào nguyên giá và tỷ lệ khấu hao, đơn vị NHNN xác định giá trị hao mòn làm căn cứ tính, trích bổ sung khấu hao TSCĐ.

- Nếu TSCĐ phát hiện thừa được xác định là TSCĐ của đơn vị khác thì phải báo ngay cho chủ sở hữu tài sản đó biết và chuyển trả TSCĐ đó. Việc chuyển trả TSCĐ phải có Biên bản giao nhận TSCĐ, có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị NHNN.

- Nếu TSCĐ phát hiện thừa không xác định được chủ sở hữu tài sản, đơn vị NHNN phải có văn bản báo cáo về NHNN (Vụ Tài chính- Kế toán) để xử lý.

- Trong thời gian chờ xử lý TSCĐ phát hiện thừa, Kế toán căn cứ vào tài liệu kiểm kê, lập Phiếu hạch toán Nợ tài khoản ngoại bảng để theo dõi hộ TSCĐ với giá trị quy ước trong hạch toán tài sản khác giữ hộ là 1 đồng (đ)/ TSCĐ:

Nợ TK 00900199- Tài sản khác giữ hộ

(tài khoản chi tiết: TSCĐ không xác định được chủ sở hữu tài sản)

Đồng thời mở Sổ chi tiết để theo dõi từng loại TSCĐ không xác định được chủ tài sản/ đã xác định nhưng chủ sở hữu tài sản chưa đến nhận.

b) Kế toán tại Vụ Tài chính- Kế toán

Căn cứ vào từng trường hợp thừa TSCĐ không xác định được chủ sở hữu tài sản tại đơn vị, Vụ Tài chính- Kế toán sẽ có hướng dẫn xử lý cụ thể.

2. Trường hợp phát hiện thiếu TSCĐ

TSCĐ phát hiện thiếu phải được xác định rõ nguyên nhân, truy cứu người có trách nhiệm (nếu có) và xử lý theo quy định hiện hành. Hạch toán tại đơn vị NHNN như sau:

a) Trường hợp TSCĐ phát hiện thiếu xác định được nguyên nhân và có quyết định xử lý ngay

- Căn cứ vào Biên bản xử lý TSCĐ phát hiện thiếu và hồ sơ TSCĐ, hạch toán giảm TSCĐ:

Nợ TK 30400501- Hao mòn TSCĐ hữu hình: Số đã hao mòn

Nợ TK 315005- Các khoản phải bồi thường của cán bộ, nhân viên

(tài khoản chi tiết theo từng cán bộ bồi thường)

Số tiền cán bộ phải bồi thường

Có TK 304001- TSCĐ hữu hình: Nguyên giá TSCĐ

Nếu khoản bồi thường của cán bộ, nhân viên chưa đủ để bù đắp, phần chênh lệch thiếu được xử lý theo quy định hiện hành về xử lý tổn thất tài sản.

- Hạch toán số tiền thu hồi được từ cán bộ, nhân viên:

 Nợ TK thích hợp

Có TK 315005- Các khoản phải bồi thường của cán bộ, nhân viên

(tài khoản chi tiết theo từng cán bộ bồi thường)

Số tiền cán bộ phải bồi thường

b) Trường hợp TSCĐ phát hiệu thiếu chưa xác định được nguyên nhân và chờ xử lý, hạch toán:

Nợ TK 30400501- Hao mòn TSCĐ hữu hình: Số đã hao mòn

 Nợ TK 315004- Tham ô, thiếu mất tiền, tài sản chờ xử lý: Giá trị còn lại

 Có TK 304001- TSCĐ hữu hình: Nguyên giá TSCĐ

Khi đã phát hiện được nguyên nhân và có quyết định xử lý TSCĐ phát hiện thiếu, hạch toán:

Nợ TK thích hợp

Có TK 315004- Tham ô, thiếu mất tiền, tài sản chờ xử lý: Giá trị còn lại

**Điều 11. Hạch toán đánh giá lại TSCĐ**

1. Hạch toán đánh giá tăng nguyên giá TSCĐ

a) Kế toán tại đơn vị NHNN

Căn cứ vào văn bản pháp lý của cấp có thẩm quyền về việc đánh giá lại TSCĐ và Biên bản đánh giá lại TSCĐ, Kế toán lập chứng từ hạch toán phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại, đồng thời phản ánh giá trị nguyên giá, hao mòn tăng thêm và giá trị còn lại sau khi đánh giá vào Thẻ TSCĐ của TSCĐ đó:

Nợ TK 304001- TSCĐ hữu hình

Và/hoặc Nợ TK 304002- TSCĐ vô hình

Giá trị nguyên giá tăng thêm

Có TK 30400501- Hao mòn TSCĐ hữu hình

Và/hoặc Có TK 30400502- Hao mòn TSCĐ vô hình

 Giá trị hao mòn tăng thêm

Có TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

Đối với đơn vị không theo dõi nguồn hình thành tài sản

Hoặc Có TK 602001- Nguồn hình thành TSCĐ

(tài khoản chi tiết của Vụ Tài chính- Kế toán): Đối với đơn vị theo dõi nguồn hình thành tài sản

b) Kế toán tại Vụ Tài chính- Kế toán

Khi nhận được chứng từ chuyển Có và Biên bản đánh giá lại TSCĐ của đơn vị NHNN được phép đánh giá tăng nguyên giá TSCĐ cùng văn bản pháp lý của cấp có thẩm quyền về việc đánh giá lại TSCĐ, hạch toán:

Nợ TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

Đối với đơn vị không theo dõi nguồn hình thành tài sản

Hoặc Nợ TK 602001- Nguồn hình thành TSCĐ

(tài khoản chi tiết của đơn vị NHNN đánh giá lại TSCĐ): Đối với đơn vị theo dõi nguồn hình thành tài sản

Có TK 501002- Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm TSCĐ

 2. Hạch toán đánh giá giảm nguyên giá TSCĐ

a) Kế toán tại đơn vị NHNN

Căn cứ vào văn bản pháp lý của cấp có thẩm quyền về việc đánh giá lại TSCĐ và Biên bản đánh giá lại TSCĐ, Kế toán lập chứng từ hạch toán phần giá trị giảm do đánh giá lại, đồng thời phản ánh giá trị nguyên giá, hao mòn giảm và giá trị còn lại sau khi đánh giá vào Thẻ TSCĐ của TSCĐ đó, hạch toán:

Nợ TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

Đối với đơn vị không theo dõi nguồn hình thành tài sản

Hoặc Nợ TK 602001- Nguồn hình thành TSCĐ

(tài khoản chi tiết của Vụ Tài chính- Kế toán): Đối với đơn vị theo dõi nguồn hình thành tài sản

Nợ TK 30400501- Hao mòn TSCĐ hữu hình

Và/hoặc Nợ TK 30400502- Hao mòn TSCĐ vô hình

 Giá trị hao mòn giảm

Có TK 304001- TSCĐ hữu hình

Và/hoặc Có TK 304002- TSCĐ vô hình

Giá trị nguyên giá giảm

b) Kế toán tại Vụ Tài chính- Kế toán

Khi nhận được chứng từ chuyển Nợ của đơn vị NHNN chuyển đến và Biên bản đánh giá lại TSCĐ của đơn vị NHNN được phép đánh giá giảm nguyên giá TSCĐ cùng văn bản pháp lý của cấp có thẩm quyền về việc đánh giá lại TSCĐ, hạch toán:

Nợ TK 501002- Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm TSCĐ

Có TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

Đối với đơn vị không theo dõi nguồn hình thành tài sản

Hoặc Có TK 602001- Nguồn hình thành TSCĐ

(tài khoản chi tiết của đơn vị NHNN đánh giá lại TSCĐ): Đối với đơn vị theo dõi nguồn hình thành tài sản

**Điều 12. Hạch toán điều chuyển TSCĐ**

1. Điều chuyển TSCĐ trong hệ thống NHNN

1.1. Điều chuyển TSCĐ giữa đơn vị theo dõi nguồn hình thành tài sản

a) Kế toán tại đơn vị điều chuyển đi: Căn cứ vào Quyết định điều chuyển TSCĐ của Thống đốc NHNN và hồ sơ TSCĐ cùng Biên bản nghiệm thu và giao nhận TSCĐ, Kế toán xử lý:

- Đối với nguyên giá TSCĐ: Đơn vị điều chuyển đi lập Lệnh chuyển Nợ gửi đơn vị nhận điều chuyển, hạch toán:

Nợ TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

Có TK 304001- TSCĐ hữu hình

Và/hoặc Có TK 304002- TSCĐ vô hình

- Đối với giá trị hao mòn TSCĐ: Đơn vị điều chuyển đi lập Lệnh chuyển Có gửi đơn vị nhận điều chuyển, hạch toán:

 Nợ TK 30400501- Hao mòn TSCĐ hữu hình

Và/hoặc Nợ TK 30400502- Hao mòn TSCĐ vô hình

Có TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

b) Kế toán tại đơn vị nhận điều chuyển: Khi nhận được TSCĐ kèm bộ hồ sơ TSCĐ do đơn vị điều chuyển đi chuyển đến đối chiếu khớp đúng với Quyết định điều chuyển TSCĐ của Thống đốc NHNN, đơn vị nhận điều chuyển phải làm đầy đủ các thủ tục nhận TSCĐ và xử lý như sau:

- Đối với nguyên giá TSCĐ: Căn cứ vào Lệnh chuyển Nợ của đơn vị điều chuyển đi, đơn vị nhận điều chuyển đối chiếu khớp đúng với Biên bản nghiệm thu và giao nhận TSCĐ và hạch toán:

Nợ TK 304001- TSCĐ hữu hình

Và/hoặc Nợ TK 304002- TSCĐ vô hình

Có TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

- Đối với giá trị hao mòn TSCĐ: Căn cứ vào Lệnh chuyển Có của đơn vị điều chuyển đi, đơn vị nhận điều chuyển đối chiếu khớp đúng với Biên bản nghiệm thu và giao nhận TSCĐ và hạch toán:

 Nợ TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

 Có TK 30400501- Hao mòn TSCĐ hữu hình

Và/hoặc Có TK 30400502- Hao mòn TSCĐ vô hình

1.2. Điều chuyển TSCĐ giữa đơn vị theo dõi nguồn hình thành tài sản cố định và đơn vị không theo dõi nguồn hình thành tài sản cố định hoặc giữa hai đơn vị không theo dõi nguồn hình thành tài sản cố định

Việc hạch toán điều chuyển TSCĐ được thực hiện thanh toán qua Vụ Tài chính- Kế toán.

a) Kế toán tại đơn vị điều chuyển đi: Căn cứ vào Quyết định điều chuyển TSCĐ của Thống đốc NHNN và hồ sơ TSCĐ cùng Biên bản nghiệm thu và giao nhận TSCĐ, Kế toán xử lý:

- Đối với nguyên giá TSCĐ: Đơn vị điều chuyển đi lập chứng từ chuyển Vụ Tài chính- Kế toán kèm Quyết định điều chuyển TSCĐ của Thống đốc NHNN và Biên bản nghiệm thu và giao nhận TSCĐ, hạch toán:

Nợ TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

Đối với đơn vị không theo dõi nguồn hình thành tài sản cố định

Hoặc Nợ TK 602001- Nguồn hình thành TSCĐ

(tài khoản chi tiết của Vụ Tài chính- Kế toán): Đối với đơn vị theo dõi nguồn hình thành tài sản cố định

Có TK 304001- TSCĐ hữu hình

Và/hoặc Có TK 340002- TSCĐ vô hình

- Đối với giá trị hao mòn TSCĐ, hạch toán:

 Nợ TK 30400501- Hao mòn TSCĐ hữu hình

Và/hoặc Nợ TK 30400502- Hao mòn TSCĐ vô hình

Có TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

Đối với đơn vị không theo dõi nguồn hình thành tài sản cố định

Hoặc Có TK 602001- Nguồn hình thành TSCĐ

(tài khoản chi tiết của Vụ Tài chính- Kế toán): Đối với đơn vị theo dõi nguồn hình thành tài sản cố định

b) Kế toán tại Vụ Tài chính- Kế toán

Khi nhận được chứng từ của đơn vị điều chuyển đi kèm Quyết định điều chuyển TSCĐ của Thống đốc NHNN, hạch toán:

 Nợ TK 602001- Nguồn hình thành TSCĐ

(tài khoản chi tiết của đơn vị nhận điều chuyển): Đối với đơn vị theo dõi nguồn hình thành tài sản cố định

 Hoặc Nợ TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

Đối với đơn vị không theo dõi nguồn hình thành tài sản cố định

 Có TK 602001- Nguồn hình thành TSCĐ

(tài khoản chi tiết của đơn vị điều chuyển đi):

Đối với đơn vị không theo dõi nguồn hình thành tài sản cố định

Hoặc Có TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

Đối với đơn vị theo dõi nguồn hình thành tài sản cố định

 Đồng thời, chuyển 01 bộ chứng từ cho đơn vị nhận điều chuyển làm căn cứ hạch toán.

c) Kế toán tại đơn vị nhận điều chuyển: Khi nhận được TSCĐ kèm bộ hồ sơ TSCĐ do đơn vị điều chuyển đi chuyển đến, đơn vị nhận điều chuyển phải làm đầy đủ các thủ tục nhận TSCĐ đối chiếu khớp đúng với Quyết định điều chuyển TSCĐ của Thống đốc NHNN, xử lý:

Căn cứ vào chứng từ của Vụ Tài chính- Kế toán chuyển đến đối chiếu khớp đúng với Biên bản nghiệm thu và giao nhận TSCĐ, hạch toán:

- Đối với nguyên giá TSCĐ:

Nợ TK 304001- TSCĐ hữu hình

Và/hoặc Nợ TK 304002- TSCĐ vô hình

Có TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

Đối với đơn vị không theo dõi nguồn hình thành tài sản cố định

Hoặc Có TK 602001- Nguồn hình thành TSCĐ

(tài khoản chi tiết của Vụ Tài chính- Kế toán): Đối với đơn vị theo dõi nguồn hình thành tài sản cố định

- Đối với giá trị hao mòn TSCĐ, hạch toán:

Nợ TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

Đối với đơn vị không theo dõi nguồn hình thành tài sản cố định

Hoặc Nợ TK 602001- Nguồn hình thành TSCĐ

(tài khoản chi tiết của Vụ Tài chính- Kế toán): Đối với đơn vị theo dõi nguồn hình thành tài sản cố định

Có TK 30400501- Hao mòn TSCĐ hữu hình

Và/hoặc Có TK 30400502- Hao mòn TSCĐ vô hình

2. Hạch toán điều chuyển TSCĐ giữa NHNN với đơn vị ngoài NHNN

2.1. Trường hợp NHNN là đơn vị điều chuyển TSCĐ

a) Kế toán tại đơn vị NHNN:

Căn cứ Quyết định điều chuyển TSCĐ của Thống đốc NHNN, đơn vị NHNN làm thủ tục bàn giao TSCĐ cùng hồ sơ TSCĐ cho đơn vị ngoài NHNN. Sau khi hoàn tất thủ tục, căn cứ vào Biên bản nghiệm thu và giao nhận TSCĐ, đơn vị NHNN hạch toán:

 Nợ TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

 Đối với đơn vị không theo dõi nguồn hình thành tài sản cố định

Hoặc Nợ TK 602001- Nguồn hình thành TSCĐ

(tài khoản chi tiết của Vụ Tài chính- Kế toán): Đối với đơn vị theo dõi nguồn hình thành tài sản cố định

Giá trị còn lại của TSCĐ

 Nợ TK 30400501- Hao mòn TSCĐ hữu hình

Và/hoặc Nợ TK 30400502- Hao mòn TSCĐ vô hình

Số đã hao mòn

 Có TK 304001- TSCĐ hữu hình

Và/hoặc Có TK 304002- TSCĐ vô hình

Nguyên giá TSCĐ

Sau khi điều chuyển TSCĐ, đơn vị NHNN phải ghi vào Thẻ TSCĐ của TSCĐ được điều chuyển (phần ghi giảm TSCĐ) và lưu Thẻ TSCĐ vào tập hồ sơ riêng Thẻ TSCĐ đã điều chuyển; đồng thời ghi vào Sổ TSCĐ.

b) Kế toán tại Vụ Tài chính- Kế toán:

Khi nhận chứng từ cùng Biên bản nghiệm thu và giao nhận TSCĐ từ đơn vị NHNN điều chuyển TSCĐ và bản chụp Quyết định điều chuyển TSCĐ của Thống đốc NHNN, hạch toán:

 Nợ TK 502001- Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm TSCĐ

 Giá trị còn lại trên sổ sách của TSCĐ điều chuyển

Có TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

Đối với đơn vị không theo dõi nguồn hình thành tài sản cố định

Hoặc Có TK 602001- Nguồn hình thành TSCĐ

(tài khoản chi tiết của đơn vị điều chuyển đi): Đối với đơn vị theo dõi nguồn hình thành tài sản cố định

 2.2. Trường hợp NHNN là đơn vị nhận điều chuyển TSCĐ

a) Kế toán tại đơn vị NHNN:

Căn cứ Quyết định điều chuyển TSCĐ của Thống đốc NHNN, đơn vị NHNN làm thủ tục nhận TSCĐ từ đơn vị ngoài NHNN. Sau khi hoàn thành thủ tục nhận TSCĐ, căn cứ vào Biên bản nghiệm thu và giao nhận TSCĐ cùng bộ hồ sơ TSCĐ, đơn vị NHNN nhận TSCĐ điều chuyển hạch toán:

Nợ TK 304001- TSCĐ hữu hình

Và/hoặc Nợ TK 304002- TSCĐ vô hình

Nguyên giá TSCĐ

 Có TK 30400501- Hao mòn TSCĐ hữu hình

Và/hoặc Có TK 30400502- Hao mòn TSCĐ vô hình

Số đã hao mòn

Có TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

Đối với đơn vị không theo dõi nguồn hình thành tài sản cố định

Hoặc Có TK 602001- Nguồn hình thành TSCĐ

(tài khoản chi tiết của Vụ Tài chính- Kế toán): Đối với đơn vị theo dõi nguồn hình thành tài sản cố định

Giá trị còn lại của TSCĐ

b) Kế toán tại Vụ Tài chính- Kế toán:

Khi nhận chứng từ cùng Biên bản nghiệm thu và giao nhận TSCĐ từ đơn vị NHNN nhận TSCĐ điều chuyển và bản chụp Quyết định điều chuyển TSCĐ của Thống đốc NHNN, hạch toán:

Nợ TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

Đối với đơn vị không theo dõi nguồn hình thành tài sản cố định

Hoặc Nợ TK 602001- Nguồn hình thành TSCĐ

(tài khoản chi tiết của đơn vị nhận điều chuyển): Đối với đơn vị theo dõi nguồn hình thành tài sản cố định

Có TK 501002- Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm TSCĐ

 Giá trị còn lại trên sổ sách của TSCĐ nhận điều chuyển

**Điều 13. Hạch toán TSCĐ thuê hoạt động**

1. Căn cứ vào văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt việc thuê TSCĐ, các đơn vị NHNN tiến hành thuê TSCĐ.

2. Về nguyên tắc, TSCĐ thuê hoạt động không hạch toán tăng nguyên giá TSCĐ tại đơn vị. Chi phí thuê TSCĐ được ghi nhận vào chi phí tại đơn vị và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê.

3. Hạch toán kế toán

3.1. Hạch toán giá trị TSCĐ thuê ngoài:

Đơn vị NHNN chỉ hạch toán giá trị TSCĐ thuê ngoài đối với các TSCĐ riêng lẻ và đơn vị thuê trực tiếp quản lý, sử dụng trong thời gian thuê.

Ngay sau khi nhận được TSCĐ thuê ngoài, căn cứ vào Hợp đồng thuê TSCĐ đã ký kết, Kế toán lập Phiếu hạch toán Nợ tài khoản ngoại bảng để hạch toán giá trị TSCĐ thuê ngoài:

Nợ TK 009002- Tài sản thuê ngoài

 (tài khoản chi tiết: TSCĐ thuê ngoài)

Đồng thời mở Sổ chi tiết theo dõi TSCĐ thuê ngoài.

3.2. Hạch toán chi trả tiền thuê TSCĐ:

a) Trường hợp trả tiền thuê TSCĐ theo định kỳ tháng, khi trả tiền thuê, hạch toán:

Nợ TK 811006- Chi thuê tài sản

 (tài khoản chi tiết: Chi phí thuê TSCĐ)

Có TK thích hợp

b) Trường hợp trả trước tiền thuê TSCĐ cho nhiều kỳ, hạch toán:

Nợ TK 811006- Chi thuê tài sản: Chi phí thuê TSCĐ cho kỳ đầu tiên

 (tài khoản chi tiết: Chi phí thuê TSCĐ)

Nợ TK Các khoản chi phí chờ phân bổ khác

 (tài khoản chi tiết: Chi phí thuê TSCĐ chờ phân bổ)

Có TK thích hợp

 Định kỳ hàng tháng, phân bổ dần số tiền thuê của tháng đã trả trước vào chi phí:

Nợ TK 811006- Chi thuê tài sản

 (tài khoản chi tiết: Chi phí thuê TSCĐ)

Có TK Các khoản chi phí chờ phân bổ khác

(tài khoản chi tiết đã mở)

 c) Trường hợp trả tiền thuê TSCĐ sau (trả tiền sau theo định kỳ hoặc trả tiền 1 lần khi kết thúc Hợp đồng):

Hàng tháng, tính và hạch toán số tiền thuê TSCĐ phải trả vào chi phí:

 Nợ TK 811006- Chi thuê tài sản

 (tài khoản chi tiết: Chi phí thuê TSCĐ)

 Có TK Các khoản khác phải trả

(tài khoản chi tiết: Tiền thuê TSCĐ phải trả)

Khi chi trả tiền thuê TSCĐ, hạch toán:

Nợ TK 811006- Chi thuê tài sản: Chi phí thuê TSCĐ phải trả trong kỳ chưa hạch toán dự trả

(tài khoản chi tiết: Chi phí thuê TSCĐ)

 Nợ TK Các khoản khác phải trả

(tài khoản chi tiết đã mở)

Có TK thích hợp

3.3. Hạch toán khi kết thúc Hợp đồng thuê TSCĐ: Căn cứ vào Hợp đồng thuê TSCĐ, Kế toán lập Phiếu hạch toán Có tài khoản ngoại bảng để hạch toán tất toán giá trị TSCĐ thuê ngoài và xuất TSCĐ trả lại bên cho thuê:

Có TK 009002- Tài sản thuê ngoài

 (tài khoản chi tiết đã mở)

**Điều 14. Hạch toán thanh lý TSCĐ**

Căn cứ vào thông báo phê duyệt việc thanh lý TSCĐ tại đơn vị NHNN của cấp có thẩm quyền, đơn vị NHNN tiến hành thanh lý TSCĐ. Việc hạch toán cụ thể như sau:

- Đối với các khoản thu về thanh lý TSCĐ, hạch toán:

Nợ TK thích hợp

Có TK 799- Các khoản thu khác

- Đối với các khoản chi về thanh lý TSCĐ, hạch toán:

Nợ TK 899- Các khoản chi khác

Có TK thích hợp

- Ghi giảm TSCĐ thanh lý, hạch toán:

 Nợ TK 30400501- Hao mòn TSCĐ hữu hình

Hoặc Nợ TK 30400502- Hao mòn TSCĐ vô hình

Nợ TK thích hợp

Các khoản phải bồi thường của cá nhân, tập thể, tổ chức bảo hiểm (nếu có)

Và/hoặc Nợ TK 899- Các khoản chi khác

Giá trị còn lại chưa khấu hao hết (nếu có), trừ các khoản bồi thường của cá nhân, tập thể, tổ chức bảo hiểm

Có TK 304001- TSCĐ hữu hình

Hoặc Có TK 304002- TSCĐ vô hình

Nguyên giá TSCĐ

 Sau khi thanh lý TSCĐ, đơn vị NHNN phải ghi vào Thẻ TSCĐ của TSCĐ được thanh lý (phần ghi giảm TSCĐ) và lưu Thẻ TSCĐ vào tập hồ sơ riêng Thẻ TSCĐ đã thanh lý; đồng thời ghi vào Sổ TSCĐ.

**Điều 15. Hạch toán sửa chữa, nâng cấp TSCĐ**

1. Hạch toán sửa chữa TSCĐ

a) Sửa chữa thường xuyên TSCĐ: Khi tiến hành sửa chữa thường xuyên TSCĐ, căn cứ chứng từ sửa chữa TSCĐ hợp pháp, hợp lệ, hạch toán:

Nợ TK 811002- Bảo dưỡng và sửa chữa tài sản

Có TK thích hợp

b) Sửa chữa lớn TSCĐ:

- Khi phát sinh các khoản sửa chữa lớn TSCĐ, đơn vị NHNN lập đầy đủ chứng từ và hạch toán:

 Nợ TK 315002- Tạm ứng bảo dưỡng và sửa chữa tài sản

Có TK thích hợp (1021, 103…)

- Khi quyết toán chi phí sửa chữa lớn TSCĐ: Đơn vị NHNN căn cứ vào Biên bản nghiệm thu và giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành và văn bản duyệt quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hạch toán:

Nợ TK 811002- Bảo dưỡng và sửa chữa tài sản

Có TK 315002- Tạm ứng bảo dưỡng và sửa chữa tài sản

2. Hạch toán nâng cấp TSCĐ

 Hạch toán tương tự trường hợp mua sắm TSCĐ theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

**Điều 16. Hạch toán trích khấu hao TSCĐ**

Hàng tháng, Kế toán tính toán và theo dõi số khấu hao cơ bản TSCĐ phải trích tại đơn vị. Thời gian khấu hao TSCĐ được tính ngay sau khi có Biên bản nghiệm thu và giao nhận TSCĐ.

Căn cứ vào Bảng kê trích khấu hao TSCĐ, đơn vị NHNN lập chứng từ hạch toán:

Nợ TK 811001- Khấu hao cơ bản TSCĐ

Có TK 30400501- Hao mòn TSCĐ hữu hình

Hoặc Có TK 30400502- Hao mòn TSCĐ vô hình

**Điều 17. Hạch toán chuyển tiêu khấu hao TSCĐ**

1. Đối với Cục Công nghệ thông tin, Chi cục Công nghệ thông tin, Chi cục Phát hành và Kho quỹ, Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng

- Khi nhận được thông báo chuyển tiêu số khấu hao TSCĐ đã trích từ Vụ Tài chính- Kế toán, đơn vị chuyển tiêu số khấu hao TSCĐ đã trích về Vụ Tài chính- Kế toán, hạch toán:

Nợ TK 602001- Nguồn hình thành TSCĐ

(tài khoản chi tiết của Vụ Tài chính- Kế toán): Số khấu hao đã trích năm trước

 Có TK 599002- Chênh lệch thu, chi năm trước

- Khi nhận được chứng từ chuyển tiêu số khấu hao TSCĐ đã trích từ đơn vị theo dõi nguồn hình thành tài sản cố định, Vụ Tài chính- Kế toán hạch toán:

 Nợ TK 599002- Chênh lệch thu, chi năm trước

Có TK 602001- Nguồn hình thành TSCĐ

(tài khoản chi tiết của đơn vị NHNN thích hợp): Số khấu hao đã trích năm trước

2. Đối với Cục Phát hành và Kho quỹ, Ban Quản lý các dự án tín dụng quốc tế ODA

- Khi nhận được thông báo chuyển tiêu số khấu hao TSCĐ đã trích từ Vụ Tài chính- Kế toán, đơn vị chuyển tiêu số khấu hao TSCĐ đã trích về Vụ Tài chính- Kế toán, hạch toán:

Nợ TK 602001- Nguồn hình thành TSCĐ

Có TK 602004 - Thanh toán liên chi nhánh

- Khi nhận được chứng từ chuyển tiêu số khấu hao TSCĐ đã trích từ đơn vị, Vụ Tài chính- Kế toán hạch toán:

Nợ TK 602004 - Thanh toán liên chi nhánh

Có TK 602001- Nguồn hình thành TSCĐ

3. Đối với NHNN Chi nhánh các tỉnh, thành phố, Sở Giao dịch, Cục Quản trị, Chi cục Quản trị

- Khi nhận được thông báo chuyển tiêu số khấu hao TSCĐ đã trích từ Vụ Tài chính- Kế toán, đơn vị chuyển tiêu số khấu hao TSCĐ đã trích về Vụ Tài chính- Kế toán, hạch toán:

Nợ TK 602004 - Thanh toán liên chi nhánh

Có TK 599002 - Chênh lệch thu chi năm trước

- Khi nhận được chứng từ chuyển tiêu số khấu hao TSCĐ đã trích từ đơn vị, Vụ Tài chính- Kế toán hạch toán:

Nợ TK 599002 - Chênh lệch thu chi năm trước

Có TK 602004 - Thanh toán liên chi nhánh

 **Điều 18. Tài khoản và chứng từ, sổ kế toán hạch toán kế toán công cụ dụng cụ và vật liệu**

1. Tài khoản kế toán

Kế toán công cụ, dụng cụ; vật liệu và tài sản khác sử dụng các tài khoản chủ yếu sau:

- TK 305- Tài sản khác trong kho

 (Tài khoản thích hợp theo dõi công cụ dụng cụ/vật liệu trong kho)

- TK 811004- Mua sắm công cụ dụng cụ

- TK 009002- Tài sản thuê ngoài, mở tài khoản chi tiết: Công cụ dụng cụ thuê ngoài

- TK 010- Công cụ dụng cụ đang sử dụng, mở tài khoản chi tiết: Công cụ dụng cụ thuộc NHNN

Nội dung, tính chất và kết cấu của các tài khoản này thực hiện theo quy định cụ thể trong Hệ thống tài khoản kế toán NHNN.

2. Chứng từ, sổ kế toán

Kế toán công cụ dụng cụ và vật liệu sử dụng các chứng từ, sổ kế toán chủ yếu sau:

- Sổ theo dõi TSCĐ và công cụ dụng cụ tại nơi sử dụng (Phụ lục 10)

- Phiếu hạch toán Nợ tài khoản ngoại bảng (Phụ lục 11)

- Phiếu hạch toán Có tài khoản ngoại bảng (Phụ lục 12)

- Phiếu nhập kho (Phụ lục 13)

- Phiếu xuất kho (Phụ lục 14)

- Biên bản kiểm nhận công cụ dụng cụ, vật liệu (Phụ lục 15)

- Biên bản bàn giao công cụ dụng cụ, vật liệu (Phụ lục 16)

- Biên bản kiểm kê công cụ dụng cụ đang dùng (Phụ lục 17)

- Biên bản kiểm kê công cụ dụng cụ trong kho (Phụ lục 18a)

- Biên bản kiểm kê vật liệu trong kho (Phụ lục 18b)

- Biên bản thanh lý công cụ dụng cụ, vật liệu (Phụ lục 19)

- Sổ kho/ Thẻ kho (Phụ lục 20)

- Sổ chi tiết công cụ dụng cụ trong kho (Phụ lục 21a)

- Sổ chi tiết vật liệu trong kho (Phụ lục 21b)

- Giấy báo hỏng, mất công cụ dụng cụ (Phụ lục 22)

- Bộ hóa đơn, chứng từ của nhà cung cấp

**Điều 19. Hạch toán mua sắm công cụ dụng cụ tập trung từ Cục Quản trị cho các đơn vị NHNN**

1. Kế toán tại Cục Quản trị

a) Khi mua sắm công cụ dụng cụ

Trong phạm vi dự toán được duyệt, Cục Quản trị thực hiện mua sắm công cụ dụng cụ, hạch toán khi tạm ứng cho khách hàng:

 Nợ TK 314999- Các khoản phải thu khách hàng khác

Có TK thích hợp (102001, 602004…)

b) Khi thực hiện trang cấp công cụ dụng cụ cho đơn vị được trang cấp công cụ dụng cụ

(i) Trường hợp Cục Quản trị được giao toàn bộ kinh phí mua sắm

 - Trường hợp giao công cụ dụng cụ cho đơn vị được trang cấp:

 Căn cứ Biên bản nghiệm thu và giao nhận công cụ dụng cụ, hạch toán:

Nợ TK 811004- Chi về mua sắm công cụ, dụng cụ

Có TK 314999- Các khoản phải thu khách hàng khác

 Và/Hoặc Có TK 414999- Các khoản phải trả bên ngoài khác

- Trường hợp trang cấp công cụ dụng cụ cho chính Cục Quản trị, Cục Quản trị hạch toán, theo dõi nhập công cụ dụng cụ:

Nợ TK 811004- Chi về mua sắm công cụ, dụng cụ

Có TK 314999- Các khoản phải thu khách hàng khác

 Và/Hoặc Có TK 414999- Các khoản phải trả bên ngoài khác

 Đồng thời hạch toán ngoại bảng để theo dõi giá trị công cụ dụng cụ đưa ra sử dụng:

Nợ TK 010- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng

 (ii) Trường hợp Cục Quản trị là đơn vị mua sắm, các đơn vị được trang cấp hạch toán chi mua sắm

- Trường hợp giao công cụ dụng cụ cho đơn vị được trang cấp

 Căn cứ Biên bản nghiệm thu và giao nhận công cụ dụng cụ, hạch toán:

 Nợ TK 315999- Các khoản phải thu nội bộ khác

 (Đơn vị được trang cấp)

Có TK 314999- Các khoản phải thu khách hàng khác

 Và/Hoặc Có TK 414999- Các khoản phải trả bên ngoài khác

- Trường hợp trang cấp công cụ dụng cụ cho chính Cục Quản trị:

+ Cục Quản trị hạch toán, theo dõi nhập công cụ dụng cụ

Nợ TK 318999- Chi phí khác chờ phân bổ

 Hoặc Nợ TK 811004- Chi về mua sắm công cụ, dụng cụ

Có TK 314999- Các khoản phải thu khách hàng khác

 Đồng thời hạch toán Nợ ngoại bảng để theo dõi giá trị công cụ dụng cụ đưa ra sử dụng:

Nợ TK 010- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng

 + Định kỳ, Cục Quản trị thực hiện phân bổ chi phí mua sắm công cụ dụng cụ theo quy định của NHNN về tỷ lệ phân bổ (nếu có):

Nợ TK 811004- Chi về mua sắm công cụ, dụng cụ

Có TK 318999- Chi phí khác chờ phân bổ

c) Quyết toán vốn mua sắm công cụ dụng cụ

Việc quyết toán vốn mua sắm công cụ dụng cụ phải trên cơ sở hồ sơ quyết toán được duyệt.

(i) Trường hợp Cục Quản trị được giao toàn bộ kinh phí mua sắm

- Trường hợp Cục Quản trị giao công cụ dụng cụ cho đơn vị được trang cấp

+ Trường hợp giá trị được duyệt quyết toán lớn hơn giá trị công cụ dụng cụ đã nhập:

Khi được tạm ứng tiếp số tiền chênh lệch giữa số được phê duyệt quyết toán với số đã tạm ứng, hạch toán:

Nợ TK thích hợp (102001, 414999 …)

Có TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

Điều chỉnh giá trị công cụ dụng cụ đã ghi nhận chi phí:

Nợ TK 811004- Chi về mua sắm công cụ, dụng cụ

 Có TK 414999- Các khoản phải trả bên ngoài khác

Đồng thời thông báo cho đơn vị được trang cấp để đơn vị được trang cấp điều chỉnh giá trị công cụ dụng cụ đang theo dõi ngoại bảng.

+ Trường hợp giá trị được duyệt quyết toán nhỏ hơn giá trị công cụ dụng cụ đã nhập:

Điều chỉnh giá trị công cụ dụng cụ đã ghi nhận chi phí:

 Nợ TK 314999- Các khoản phải thu khách hàng khác

 Hoặc Nợ TK 414999- Các khoản phải trả bên ngoài khác

Có TK 811004- Chi về mua sắm công cụ, dụng cụ

Đồng thời thông báo cho đơn vị được trang cấp để đơn vị được trang cấp điều chỉnh giá trị công cụ dụng cụ đang theo dõi ngoại bảng.

Khi thu hồi số tiền chênh lệch giữa số được phê duyệt quyết toán với số đã tạm ứng, hạch toán:

Nợ TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

Có TK thích hợp (314999 …)

*-* Trường hợp trang cấp công cụ dụng cụ cho chính Cục Quản trị

Cục Quản trị thực hiện các bút toán điều chỉnh nội bảng như đối với trường hợp Cục Quản trị giao công cụ dụng cụ cho đơn vị được trang cấp, đồng thời thực hiện điều chỉnh ngoại bảng giá trị công cụ dụng cụ đưa ra sử dụng:

Nợ TK 010- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng (điều chỉnh tăng)

 hoặc CóTK 010- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng (điều chỉnh giảm)

(ii) Trường hợp Cục Quản trị là đơn vị mua sắm, các đơn vị được trang cấp hạch toán chi mua sắm

- Tạm ứng tiếp số tiền chênh lệch giữa số được phê duyệt quyết toán với số đã tạm ứng, hạch toán:

Nợ TK thích hợp (102001, 414999 …)

Có TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

- Hạch toán tất toán vốn mua sắm đã tạm ứng: Kế toán thực hiện báo nợ về Vụ Tài chính- Kế toán số tiền đã mua sắm công cụ dụng cụ trang cấp cho các đơn vị trang cấp Cục Công nghệ thông tin, Chi cục Công nghệ thông tin, Chi cục Phát hành và kho quỹ:

Nợ TK 602002- Tạm ứng kinh phí hoạt động

Có TK 315999- Các khoản phải thu nội bộ khác

 (Đơn vị được trang cấp)

- Kế toán thực hiện báo nợ số tiền đã mua sắm công cụ dụng cụ trang cấp cho các đơn vị được trang cấp công cụ dụng cụ là NHNN Chi nhánh các tỉnh, thành phố; Chi cục Quản trị, Sở Giao dịch, Cục Phát hành và Kho quỹ; Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ban Quản lý dự án tín dụng quốc tế ODA:

Nợ TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

Có TK 315999- Các khoản phải thu nội bộ khác

 (Các đơn vị được trang cấp)

2. Kế toán tại Vụ Tài chính- Kế toán trong trường hợp Cục Quản trị là đơn vị mua sắm, các đơn vị được trang cấp hạch toán chi mua sắm

Khi nhận được chuyển Nợ từ Cục Quản trị về vốn mua sắm công cụ dụng cụ của các đơn vị (Cục Công nghệ thông tin, Chi cục Công nghệ thông tin, Chi cục Phát hành và kho quỹ), Vụ Tài chính- Kế toán hạch toán:

Nợ TK 602002- Tạm ứng kinh phí hoạt động

 (Đơn vị được trang cấp/Kinh phí hoạt động)

Có TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

 Đồng thời, Vụ Tài chính- Kế toán gửi chứng từ cho các đơn vị này làm căn cứ đối chiếu, hạch toán.

3. Kế toán tại đơn vị được trang cấp công cụ dụng cụ

a) Trường hợp Cục Quản trị được giao toàn bộ kinh phí mua sắm

- Căn cứ Biên bản nghiệm thu và giao nhận công cụ dụng cụ giữa Cục Quản trị với đơn vị được trang cấp công cụ dụng cụ, Kế toán hạch toán Nợ ngoại bảng để theo dõi giá trị công cụ dụng cụ đưa ra sử dụng:

Nợ TK 010- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng

 - Khi nhận được thông báo của Cục Quản trị về điều chỉnh giá trị công cụ dụng cụ khi quyết toán, đơn vị được trang cấp điều chỉnh giá trị công cụ dụng cụ đang theo dõi ngoại bảng, hạch toán:

Nợ TK 010- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng (điều chỉnh tăng)

 hoặc CóTK 010- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng (điều chỉnh giảm)

 b) Trường hợp Cục Quản trị là đơn vị mua sắm, các đơn vị được trang cấp hạch toán chi mua sắm

(i) Căn cứ Biên bản nghiệm thu và giao nhận công cụ dụng cụ giữa Cục Quản trị với đơn vị được trang cấp công cụ dụng cụ, Kế toán hạch toán tạm nhập công cụ dụng cụ:

Nợ TK 318999- Chi phí khác chờ phân bổ

 Hoặc Nợ TK 811004- Chi về mua sắm công cụ, dụng cụ

Có TK 415999- Các khoản phải trả nội bộ khác

 (Cục Quản trị)

Đồng thời hạch toán Nợ ngoại bảng để theo dõi giá trị công cụ dụng cụ đưa ra sử dụng:

Nợ TK 010- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng

- Định kỳ, các đơn vị thực hiện phân bổ chi phí mua sắm công cụ dụng cụ theo quy định của NHNN (Vụ Tài chính- Kế toán) về tỷ lệ phân bổ (nếu có):

Nợ TK 811004- Chi về mua sắm công cụ, dụng cụ

Có TK 318999- Chi phí khác chờ phân bổ

(ii) Tất toán tài khoản phải trả nội bộ:

- Trường hợp đơn vị được trang cấp công cụ dụng cụ là Cục Công nghệ thông tin, Chi cục Công nghệ thông tin, Chi cục Phát hành và kho quỹ:

Khi nhận được chứng từ của Vụ Tài chính- Kế toán chuyển đến, đối chiếu khớp đúng với phê duyệt trang cấp và Biên bản nghiệm thu và giao nhận công cụ dụng cụ, hạch toán:

Nợ TK 415999- Các khoản phải trả nội bộ khác

 (Cục Quản trị)

Có TK 602002- Tạm ứng kinh phí hoạt động

 (Vụ TCKT/Kinh phí hoạt động)

- Trường hợp đơn vị được trang cấp công cụ dụng cụ là NHNN Chi nhánh các tỉnh, thành phố; Chi cục Quản trị, Sở Giao dịch, Cục Phát hành và Kho quỹ; Cơ quan Thanh tra, giám sát, Ban Quản lý dự án tín dụng quốc tế ODA:

Khi nhận được báo nợ của Cục Quản trị chuyển đến, đối chiếu khớp đúng với phê duyệt trang cấp, Biên bản nghiệm thu và giao nhận công cụ dụng cụ, hạch toán:

Nợ TK 415999- Các khoản phải trả nội bộ khác

 (Cục Quản trị)

 Có TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

4. Các khoản phải giảm trừ khi lập Bảng cân đối kế toán

Trường hợp Cục Quản trị là đơn vị mua sắm, các đơn vị được trang cấp hạch toán chi mua sắm, các đơn vị phải thực hiên cấn trừ khoản phải thu về trang cấp công cụ dụng cụ cho các đơn vị trên TK 315999- Các khoản phải thu nội bộ khác tại Cục Quản trị và khoản phải trả về công cụ dụng cụ do Cục Quản trị trang cấp trên TK 415999- Các khoản phải trả nội bộ khác tại các đơn vị được trang cấp theo hướng dẫn cấn trừ phải thu/phải trả trước khi lập bảng cân đối kế toán quý/năm của NHNN.

**Điều 20. Hạch toán** **trang cấp công cụ dụng cụ từ Chi cục Phát hành và Kho quỹ, Chi cục Công nghệ thông tin cho các đơn vị NHNN**

1. Kế toán tại NHNN chi nhánh TP.HCM nơi đơn vị trang cấp mở tài khoản thanh toán

a) Căn cứ vào chứng từ thanh toán theo yêu cầu của mua sắm công cụ dụng cụ, trong phạm vi thông báo tạm ứng của Vụ Tài chính- Kế toán hoặc khi nhận được phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền (tạm ứng phần chênh lệch giữa số được duyệt quyết toán với số đã tạm ứng), hạch toán:

Nợ TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

 (Cục Phát hành kho quỹ/Theo từng gói thầu)

Hoặc Nợ TK 602999- Thanh toán khác giữa các đơn vị NHNN

(Chi cục Công nghệ thông tin, Chi cục Phát hành và Kho quỹ/Theo từng gói thầu)

Có TK thích hợp (101, …)

b) Căn cứ vào chứng từ chuyển Nợ do đơn vị trang cấp công cụ dụng cụ lập theo đúng giá trị phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền, Kế toán thực hiện lập lệnh chuyển Nợ cho các đơn vị được trang cấp, hạch toán:

- Trường hợp đơn vị được trang cấp là NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố; Chi cục quản trị; Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng; Ban Quản lý các dự án tín dụng quốc tế ODA, Cục Phát hành và Kho quỹ: Sở giao dịch hoặc NHNN chi nhánh tỉnh thành phố thực hiện báo Nợ cho các đơn vị được trang cấp:

Nợ TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

 (Đơn vị được trang cấp)

Có TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

 (Cục Phát hành kho quỹ/Theo từng gói thầu)

Hoặc Có TK 602999- Thanh toán khác giữa các đơn vị NHNN

(Chi cục Công nghệ thông tin, Chi cục Phát hành và Kho quỹ /Theo từng gói thầu)

 - Trường hợp đơn vị được trang cấp là Chi cục Công nghệ thông tin, Chi cục Phát hành và kho quỹ: NHNN chi nhánh tỉnh thành phố báo Nợ về Vụ Tài chính - Kế toán vốn tạm ứng mua sắm công cụ dụng cụ:

 Nợ TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

 (Vụ Tài chính - Kế toán)

Có TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

 (Cục Phát hành kho quỹ/Theo từng gói thầu)

Hoặc Có TK 602999- Thanh toán khác giữa các đơn vị NHNN

(Chi cục Phát hành và Kho quỹ, Chi cục Công nghệ thông tin/Theo từng gói thầu)

Sau khi hạch toán, Sở giao dịch hoặc NHNN chi nhánh tỉnh thành phố gửi 01 liên chứng từ về Chi cục Công nghệ thông tin, Chi cục Phát hành và Kho quỹ để tất toán vốn tạm ứng Sở giao dịch hoặc NHNN chi nhánh tỉnh thành phố.

2. Tại Vụ Tài chính- Kế toán

Khi nhận được chuyển Nợ từ Sở giao dịch hoặc NHNN chi nhánh TP.HCM về vốn mua sắm công cụ dụng cụ của Chi cục Công nghệ thông tin và Chi cục Phát hành và Kho quỹ, Vụ Tài chính- Kế toán căn cứ hồ sơ quyết toán, Biên bản nghiệm thu và giao nhận công cụ dụng cụ và chứng từ chuyển Nợ số tiền tạm ứng cho đơn vị giao trang cấp do Sở giao dịch hoặc NHNN chi nhánh TP.HCM chuyển về khớp đúng với số tiền đã được phê duyệt quyết toán, hạch toán:

Nợ TK 602002- Tạm ứng kinh phí hoạt động

(Cục Phát hành và Kho quỹ, Chi cục Công nghệ thông tin, Chi cục Phát hành và Kho quỹ /Kinh phí hoạt động)

Có TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

 (Sở giao dịch hoặc NHNN chi nhánh TP.HCM)

 Đồng thời gửi chứng từ cho Cục Phát hành và Kho quỹ, Chi cục Công nghệ thông tin và Chi cục Phát hành và Kho quỹ làm căn cứ đối chiếu, hạch toán.

3. Tại Cục Phát hành và Kho quỹ, Chi cục Công nghệ thông tin và Chi cục Phát hành và Kho quỹ

a) Khi mua sắm công cụ dụng cụ

(i) Cục Phát hành và Kho quỹ, Chi cục Công nghệ thông tin và Chi cục Phát hành và Kho quỹ tập hợp chứng từ yêu cầu thanh toán gửi Sở giao dịch, NHNN chi nhánh TP.HCM để thực hiện tạm ứng theo tiến độ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(ii) Trong phạm vi dự toán được duyệt, đơn vị thực hiện mua sắm công cụ dụng cụ, hạch toán:

- Khi tạm ứng cho người bán:

Nợ TK 314999- Các khoản phải thu khách hàng khác

Có TK thích hợp (102001, 602999…)

- Khi nhập kho công cụ dụng cụ, hạch toán:

Nợ TK 305999- Tài sản khác (Tổng giá trị công cụ dụng cụ)

Có TK 314999- Các khoản phải thu khách hàng khác (Số đã tạm ứng)

 Hoặc Có TK thích hợp (102001, 602999…)

 Và Có TK 414999- Các khoản phải trả bên ngoài khác (Số tiền còn

 phải thanh toán cho người bán theo Hợp đồng)

b) Khi thực hiện trang cấp công cụ dụng cụ cho đơn vị được trang cấp công cụ dụng cụ

(i) Trường hợp đơn vị giao công cụ dụng cụ cho cán bộ của đơn vị mình vận chuyển và thực hiện lắp đặt tại đơn vị được trang cấp công cụ dụng cụ:

- Căn cứ Biên bản nghiệm thu và giao nhận công cụ dụng cụ giữa đơn vị trang cấp với cán bộ chịu trách nhiệm vận chuyển, lắp đặt công cụ dụng cụ, hạch toán:

 Nợ TK 315999- Các khoản phải thu nội bộ khác

 (đơn vị trang cấp đang vận chuyển/ Cán bộ vận chuyển, lắp đặt)

Có TK 305999- Tài sản khác

- Sau khi lập Biên Bản nghiệm thu và giao nhận công cụ dụng cụ giữa đơn vị trang cấp với đơn vị được trang cấp, cán bộ của đơn vị trang cấp có trách nhiệm gửi Biên Bản nghiệm thu và giao nhận công cụ dụng cụ về đơn vị mình ngay sau khi Biên bản được lập.

 - Khi nhận được Biên bản nghiệm thu và giao nhận công cụ dụng cụ, hạch toán:

 Nợ TK 315999- Các khoản phải thu nội bộ khác

 (Đơn vị được trang cấp)

 Có TK 315999- Các khoản phải thu nội bộ khác

 (công cụ dụng cụ đang vận chuyển/Cán bộ vận chuyển, lắp đặt)

(ii) Trường hợp giao trực tiếp công cụ dụng cụ cho đơn vị được trang cấp

 Căn cứ Biên bản nghiệm thu và giao nhận công cụ dụng cụ, hạch toán:

 Nợ TK 315999- Các khoản phải thu nội bộ khác

 (Đơn vị được trang cấp)

Có TK 305999- Tài sản khác

(iii) Trường hợp trang cấp công cụ dụng cụ cho chính đơn vị trang cấp:

- Đơn vị trang cấp hạch toán, theo dõi nhập công cụ dụng cụ:

Nợ TK 318999- Chi phí khác chờ phân bổ

 Hoặc Nợ TK 811004- Chi về mua sắm công cụ, dụng cụ

Có TK 305999- Tài sản khác

 Đồng thời hạch toán Nợ ngoại bảng để theo dõi giá trị công cụ dụng cụ đưa ra sử dụng:

Nợ TK 010- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng

 - Định kỳ, đơn vị trang cấp thực hiện phân bổ chi phí mua sắm công cụ dụng cụ theo quy định của NHNN (Vụ Tài chính- Kế toán) về tỷ lệ phân bổ (nếu có):

Nợ TK 811004- Chi về mua sắm công cụ, dụng cụ

Có TK 318999- Chi phí khác chờ phân bổ

c) Quyết toán vốn mua sắm công cụ dụng cụ

Việc quyết toán vốn mua sắm công cụ dụng cụ phải trên cơ sở hồ sơ quyết toán được duyệt.

(i) Tạm ứng tiếp số tiền chênh lệch giữa số được phê duyệt quyết toán với số đã tạm ứng tại Sở giao dịch, NHNN chi nhánh TP.HCM, hạch toán:

Nợ TK thích hợp (102001, 414999 …)

Có TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

 (Sở giao dịch /Theo từng gói thầu)

Hoặc Có TK 602999- Thanh toán khác giữa các đơn vị NHNN

(NHNN chi nhánh TP.HCM/Theo từng gói thầu)

(ii) Hạch toán tất toán vốn mua sắm đã tạm ứng:

- Kế toán thực hiện lập chứng từ gửi Sở giao dịch, NHNN chi nhánh TP.HCM nơi đơn vị mở tài khoản thanh toán về số tiền đã tạm ứng mua sắm để báo nợ về Vụ Tài chính- Kế toán hoặc đơn vị được trang cấp công cụ dụng cụ.

- Sau khi nhận được chứng từ của Sở giao dịch, NHNN chi nhánh TP.HCM về việc đã báo nợ cho Vụ Tài chính- Kế toán hoặc đơn vị được trang cấp, hạch toán:

+ Trường hợp công cụ dụng cụ được trang cấp cho các đơn vị NHNN:

Nợ TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

 (Sở giao dịch/Theo từng gói thầu)

Hoặc Nợ TK 602999- Thanh toán khác giữa các đơn vị NHNN

 (NHNN chi nhánh TP.HCM /Theo từng gói thầu)

Có TK 315999- Các khoản phải thu nội bộ khác

 (Các đơn vị được trang cấp)

+ Trường hợp công cụ dụng cụ được trang cấp cho chính đơn vị trang cấp, hạch toán:

Nợ TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

 (Sở giao dịch/Theo từng gói thầu)

Hoặc Nợ TK 602999- Thanh toán khác giữa các đơn vị NHNN

 (NHNN chi nhánh TP.HCM/Theo từng gói thầu)

Có TK 602002- Tạm ứng kinh phí hoạt động

 (Vụ Tài chính- Kế toán/Kinh phí hoạt động)

4. Kế toán tại đơn vị được trang cấp

a) Căn cứ Biên bản nghiệm thu và giao nhận công cụ dụng cụ giữa đơn vị trang cấp với đơn vị được trang cấp, Kế toán hạch toán tạm nhập công cụ dụng cụ:

Nợ TK 318999- Chi phí khác chờ phân bổ

 Hoặc Nợ TK 811004- Chi về mua sắm công cụ, dụng cụ

Có TK 415999- Các khoản phải trả nội bộ khác

 (đơn vị trang cấp)

Đồng thời hạch toán Nợ ngoại bảng để theo dõi giá trị công cụ dụng cụ đưa ra sử dụng:

Nợ TK 010- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng

- Định kỳ, đơn vị thực hiện phân bổ chi phí mua sắm công cụ dụng cụ theo quy định của NHNN về tỷ lệ phân bổ (nếu có):

Nợ TK 811004- Chi về mua sắm công cụ, dụng cụ

Có TK 318999- Chi phí khác chờ phân bổ

b) Tất toán tài khoản phải trả nội bộ:

(i) Trường hợp đơn vị được trang cấp công cụ dụng cụ là Chi cục Phát hành và Kho quỹ:

Khi nhận được chứng từ báo Nợ của Vụ Tài chính- Kế toán chuyển đến, đối chiếu khớp đúng với phê duyệt trang cấp và Biên bản nghiệm thu và giao nhận công cụ dụng cụ, hạch toán:

Nợ TK 415999- Các khoản phải trả nội bộ khác

 (đơn vị trang cấp)

Có TK 602002- Tạm ứng kinh phí hoạt động

 (Vụ Tài chính- Kế toán/Kinh phí hoạt động)

(ii) Trường hợp đơn vị được trang cấp công cụ dụng cụ là NHNN Chi nhánh các tỉnh, thành phố; Chi cục Quản trị; Cơ quan Thanh tra, giám sát:

Khi nhận được báo nợ của Sở giao dịch, NHNN chi nhánh TP.HCM chuyển đến, đối chiếu khớp đúng với phê duyệt trang cấp, Biên bản nghiệm thu và giao nhận công cụ dụng cụ, hạch toán:

Nợ TK 415999- Các khoản phải trả nội bộ khác

 (đơn vị trang cấp)

 Có TK 602004- Thanh toán liên chi nhánh

 (Sở giao dịch, NHNN chi nhánh TP.HCM)

5. Các khoản phải giảm trừ khi lập Bảng cân đối kế toán

Việc cấn trừ khoản phải thu về trang cấp công cụ dụng cụ cho các đơn vị trên TK 315999- Các khoản phải thu nội bộ khác tại và khoản phải trả về công cụ dụng cụ trên TK 415999- Các khoản phải trả nội bộ khác tại các đơn vị được trang cấp, thực hiện theo hướng dẫn cấn trừ phải thu/phải trả trước khi lập bảng cân đối kế toán quý/năm của NHNN.

**Điều 21. Hạch toán mua sắm công cụ dụng cụ và vật liệu**

1. Khi tạm ứng tiền mua công cụ dụng cụ và vật liệu, Kế toán lập chứng từ hạch toán:

Nợ TK thích hợp (315001,…)

Có TK 10100201- Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông

Hoặc Có TK thích hợp

2. Khi hoàn thành việc mua sắm công cụ dụng cụ và vật liệu

a) Đối với công cụ dụng cụ và vật liệu mua về nhập kho, chưa đưa ra sử dụng ngay

Khi nhập kho: Căn cứ hóa đơn chứng từ kèm Biên bản kiểm nhận công cụ dụng cụ, vật liệu (đối với trường hợp nhập kho với số lượng lớn, có tính chất phức tạp, quý hiếm hoặc khi có sự khác biệt về số lượng và chất lượng giữa hóa đơn và thực nhập), Kế toán lập phiếu nhập kho và lập chứng từ tất toán tạm ứng, hạch toán :

Nợ TK 305- Tài sản khác trong kho

(Tài khoản thích hợp theo dõi công cụ dụng cụ/vật liệu trong kho)

 Có TK thích hợp (315001, 10100201, 102001…)

Đồng thời ghi vào Sổ chi tiết công cụ dụng cụ trong kho/ Sổ chi tiết vật liệu trong kho.

b) Đối với công cụ dụng cụ, vật liệu mua về đưa ra sử dụng ngay

Căn cứ hóa đơn chứng từ kèm Biên bản bàn giao công cụ dụng cụ, vật liệu và Biên bản kiểm nhận công cụ dụng cụ, vật liệu (nếu có), Kế toán lập chứng từ để tất toán tạm ứng hoặc trả tiền cho người bán, hạch toán:

Nợ TK 811004 - Mua sắm công cụ dụng cụ

Và/hoặc Nợ TK 812001- Chi về vật liệu và giấy tờ in

Có TK thích hợp (315001, 10100201, 102001…)

Đồng thời đối với công cụ dụng cụ đưa ra sử dụng, ghi vào Sổ theo dõi TSCĐ và công cụ dụng cụ tại nơi sử dụng và lập Phiếu hạch toán Nợ tài khoản ngoại bảng để theo dõi giá trị công cụ dụng cụ đưa ra sử dụng:

Nợ TK 010- Công cụ dụng cụ đang sử dụng

(tài khoản chi tiết: Công cụ dụng cụ thuộc NHNN)

**Điều 22. Hạch toán xuất kho công cụ dụng cụ và vật liệu vào sử dụng**

Khi xuất kho công cụ dụng cụ và vật liệu đưa ra sử dụng: Căn cứ đề nghị trang bị công cụ dụng cụ và vật liệu được duyệt, Kế toán lập phiếu xuất kho, phiếu chuyển khoản và ghi Sổ chi tiết công cụ dụng cụ trong kho/ Sổ chi tiết vật liệu trong kho, hạch toán:

Nợ TK 811004 - Mua sắm công cụ dụng cụ

Và/hoặc Nợ TK 812001- Chi về vật liệu và giấy tờ in

 Có TK 305- Tài sản khác trong kho

(Tài khoản thích hợp theo dõi công cụ dụng cụ/vật liệu trong kho)

Đồng thời đối với công cụ dụng cụ xuất dùng, căn cứ Biên bản bàn giao công cụ dụng cụ, vật liệu ghi vào Sổ theo dõi TSCĐ và công cụ dụng cụ tại nơi sử dụng và lập Phiếu hạch toán Nợ tài khoản ngoại bảng để theo dõi giá trị công cụ dụng cụ đưa ra sử dụng:

Nợ TK 010- Công cụ dụng cụ đang sử dụng

(tài khoản chi tiết: Công cụ dụng cụ thuộc NHNN)

**Điều 23. Hạch toán thanh lý công cụ dụng cụ và vật liệu**

Căn cứ vào văn bản chấp thuận việc thanh lý công cụ dụng cụ và vật liệu của Thủ trưởng đơn vị, đơn vị NHNN tiến hành thanh lý công cụ dụng cụ và vật liệu. Việc hạch toán cụ thể như sau:

1. Thanh lý đối với công cụ dụng cụ đang dùng

-Căn cứ Biên bản thanh lý công cụ dụng cụ, vật liệu, Kế toán lập Phiếu hạch toán Có tài khoản ngoại bảng:

Có TK 010- Công cụ dụng cụ đang sử dụng

(tài khoản chi tiết: Công cụ dụng cụ thuộc NHNN)

Đồng thời không tiếp tục theo dõi công cụ dụng cụ đã thanh lý trên Sổ theo dõi TSCĐ và công cụ dụng cụ tại nơi sử dụng.

- Hạch toán các khoản thu được từ thanh lý công cụ dụng cụ:

 Nợ TK thích hợp (10100201, 102001…)

 Có TK 799- Các khoản thu khác

- Hạch toán chi phí thanh lý công cụ dụng cụ:

 Nợ TK 899- Các khoản chi khác

 Có TK thích hợp (10100201, 102001…)

2. Thanh lý đối với công cụ dụng cụ và vật liệu trong kho

Căn cứ vào Biên bản thanh lý công cụ dụng cụ, vật liệu, hạch toán:

 Nợ TK 899- Các khoản chi khác

 Có TK 305- Tài sản khác trong kho

 (Tài khoản thích hợp theo dõi công cụ dụng cụ/ vật liệu trong kho)

Đồng thời không tiếp tục theo dõi trên Sổ chi tiết công cụ dụng cụ trong kho/ Sổ chi tiết vật liệu trong kho.

 3. Xử lý thiếu, mất công cụ dụng cụ, vật liệu do nguyên nhân chủ quan

 - Nếu xác định nguyên nhân việc thiếu, mất công cụ dụng cụ đang dùng; thiếu, mất công cụ dụng cụ và vật liệu trong kho do lỗi của cán bộ, nhân viên NHNN, hạch toán:

Nợ TK 315005- Các khoản phải bồi thường của cán bộ, nhân viên NHNN

Số tiền người có lỗi phải bồi thường

 Có TK 799- Các khoản thu khác

Trường hợp thiếu, mất công cụ dụng cụ và vật liệu đang dùng

Có TK 305- Tài sản khác trong kho

(Tài khoản thích hợp theo dõi công cụ dụng cụ trong kho)

Trường hợp thiếu, mất công cụ dụng cụ và vật liệu trong kho

 - Khi thu được khoản bồi thường, hạch toán:

 Nợ TK thích hợp (10100201, 102001…)

Có TK 315005- Các khoản phải bồi thường của cán bộ, nhân viên NHNN

**Điều 24. Hạch toán thuê công cụ dụng cụ**

Chi phí thuê công cụ dụng cụ được ghi nhận vào chi phí tại đơn vị và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê.

1. Hạch toán giá trị công cụ dụng cụ thuê ngoài

Ngay sau khi nhận được công cụ dụng cụ thuê ngoài, căn cứ Hợp đồng thuê công cụ dụng cụ đã ký kết, Kế toán lập Phiếu hạch toán Nợ tài khoản ngoại bảng để hạch toán giá trị công cụ dụng cụ thuê ngoài:

Nợ TK 009002- Tài sản thuê ngoài

(tài khoản chi tiết: Công cụ dụng cụ thuê ngoài)

Đồng thời mở Sổ chi tiết theo dõi công cụ dụng cụ thuê ngoài.

2. Hạch toán chi trả tiền thuê công cụ dụng cụ

- Trường hợp trả tiền thuê công cụ dụng cụ theo định kỳ tháng: Khi trả tiền thuê, hạch toán:

Nợ TK 899- Các khoản chi khác

(tài khoản chi tiết: Chi phí thuê công cụ dụng cụ)

Có TK thích hợp (10100201, 102001…)

- Trường hợp trả trước tiền thuê công cụ dụng cụ cho nhiều kỳ, hạch toán:

Nợ TK 899- Các khoản chi khác

Chi phí thuê công cụ dụng cụ cho kỳ đầu tiên

(tài khoản chi tiết: Chi phí thuê công cụ dụng cụ)

Nợ TK Các khoản chi phí chờ phân bổ khác

(tài khoản chi tiết: Chi phí thuê công cụ dụng cụ chờ phân bổ)

Có TK thích hợp (10100201, 102001…)

Định kỳ hàng tháng, phân bổ dần số tiền thuê công cụ dụng cụ đã trả trước vào chi phí:

Nợ TK 899- Các khoản chi khác

(tài khoản chi tiết: Chi phí thuê công cụ dụng cụ)

Có TK Các khoản chi phí chờ phân bổ khác

(tài khoản chi tiết đã mở)

- Trường hợp trả tiền thuê công cụ dụng cụ sau (trả tiền sau theo định kỳ hoặc trả tiền 1 lần khi kết thúc Hợp đồng):

Hàng tháng, tính và hạch toán số tiền thuê công cụ dụng cụ phải trả vào chi phí:

Nợ TK 899- Các khoản chi khác

(tài khoản chi tiết: Chi phí thuê công cụ dụng cụ)

 Có TK Các khoản khác phải trả

(tài khoản chi tiết: Tiền thuê công cụ dụng cụ phải trả)

Khi chi trả tiền thuê công cụ dụng cụ, hạch toán:

Nợ TK 899- Các khoản chi khác

Chi phí thuê công cụ dụng cụ phải trả trong kỳ chưa hạch toán dự trả

(tài khoản chi tiết: Chi phí thuê công cụ dụng cụ)

Nợ TK Các khoản khác phải trả

(tài khoản chi tiết đã mở)

Có TK thích hợp (10100201, 102001…)

3. Hạch toán khi kết thúc Hợp đồng thuê công cụ dụng cụ: Căn cứ vào Hợp đồng thuê công cụ dụng cụ, Kế toán lập Phiếu hạch toán Có tài khoản ngoại bảng để hạch toán tất toán giá trị công cụ dụng cụ thuê ngoài và xuất công cụ dụng cụ ng trả lại bên cho thuê:

Có TK 009002- Tài sản thuê ngoài

(tài khoản chi tiết: Công cụ dụng cụ thuê ngoài)

**Điều 25. Trách nhiệm của các đơn vị NHNN**

1. Cục Công nghệ thông tin thực hiện chỉnh sửa, bổ sung Sổ tay vận hành của Hệ thống SG3.1 để các đơn vị thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

2. Vụ Tài chính - Kế toán làm đầu mối xử lý các vấn đề vướng mắc liên quan đến việc triển khai thực hiện Thông tư này.

3. Vụ Kiểm toán nội bộ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thông tư này và xử lý các vi phạm theo thẩm quyền.

4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố và các đơn vị kế toán thuộc NHNN có trách nhiệm tuân thủ quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật có liên quan. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các đơn vị NHNN phản ánh kịp thời về Vụ Tài chính - Kế toán để tổng hợp, báo cáo Thống đốc hướng xử lý.

**Điều 26. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm .

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Thông tư này thay thế Quyết định số 32/2008/QĐ-NHNN :

3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kế toán, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

***Nơi nhận:*** **THỐNG ĐỐC**

- Như Điều 26;

- Ban Lãnh đạo NHNN;

- Văn phòng Chính phủ;

- Bộ Tư pháp (*để kiểm tra*);

- Bộ Tài chính;

- Công báo;

- Lưu: VP, PC, TCKT (5).